



TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCP
Địa chỉ: Tầng 20, Tòa nhà Mipec, 229 Tây Sơn – Quận Đống Đa – Hà Nội
Điện thoại: (0243) 8641212 Fax: (0243) 8642249

GIẤY MỜI
DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2023
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX-CTCP

Trân trọng kính mời Quý cổ đông Tổng công ty Gas Petrolimex – CTCP (Có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày 17/03/2023) đến dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty Gas Petrolimex – CTCP.

Thời gian đại hội: Khai mạc vào **hồi 8h30 ngày 17/05/2023 (Thứ tư)**

Địa điểm: Văn phòng Tổng công ty Gas Petrolimex, Tầng 20, Tòa nhà Mipec, 229 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.

Nội dung cơ bản của chương trình Đại hội:

- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2022 và kế hoạch SXKD năm 2023;
- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và Phương hướng hoạt động năm 2023;
- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022;
- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022;
- Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2022;
- Báo cáo quyết toán tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022;
- Trình tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023;
- Tờ trình lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2023;
- Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội Đồng cổ đông.

Rất mong sự hiện diện của Quý Cổ đông.

Quý cổ đông vui lòng xem nội dung và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông năm 2023 được đăng tải trên Website: www.pgas.petrolimex.com.vn

Ghi chú:

- Để đảm bảo tiến độ thời gian chuẩn bị Đại hội, đề nghị quý cổ đông đăng ký tham dự (hoặc uỷ quyền tham dự đại hội) gửi về Ban tổ chức trước 16h30 ngày 16/05/2023
- Khi đi dự Đại hội, mang theo CMT/CCCD hoặc hộ chiếu kèm theo Giấy mời này
- Quý cổ đông có nhu cầu nhận tài liệu bằng văn bản xin liên hệ theo địa chỉ dưới đây:

Chi tiết xin liên hệ: Ông Vũ Trường Sơn

Tel: (0243) 8641212 (ext: 628) 0913040599

Fax 0243 8642249 Email: Haivs.pgas@Petrolimex.com.vn

Hà nội, ngày 20 tháng 04 năm 2023

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN QUANG DŨNG



**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023**

Kính thưa các Quý vị cổ đông!

Kính thưa các Quý vị đại biểu!

Thay mặt Ban điều hành, tôi xin được báo cáo một số điểm chính về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Tổng công ty Gas Petrolimex-CTCP như sau:

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

Dịch Covid-19 đã từng bước được kiểm soát trên thế giới cũng như tại Việt Nam. Tuy nhiên, nền kinh tế thế giới trong năm vừa qua phải đối mặt với những tác động nặng nề từ yếu tố lạm phát cao, chính sách tiền tệ thắt chặt nhằm kiềm chế lạm phát của các nền kinh tế lớn, khủng hoảng năng lượng tại Châu Âu, cuộc xung đột quân sự giữa Nga và Ukraina..., điều này đã ảnh hưởng tiêu cực tới tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Đối với kinh tế trong nước, nguồn lực, sức chống chịu của các doanh nghiệp đã giảm sút sau thời gian dài phải chống chịu với dịch Covid trong khi lại phải tiếp tục đối mặt với các tác động tiêu cực từ các yếu tố bất lợi của kinh tế thế giới. Bên cạnh đó, kinh tế trong nước cũng phải đối mặt với các yếu tố rủi ro khác như áp lực lạm phát, lãi suất, tỷ giá tăng cao.

Chiến tranh giữa Nga và Ukraina mà cao hơn là sự đối đầu về địa chính trị giữa các nước phương Tây và Nga đã khiến giá dầu thô biến động rất mạnh. Dưới ảnh hưởng đó, giá CP cũng biến động rất lớn trong các tháng đầu năm, cụ thể giá CP đạt đỉnh vào tháng 03/2022 với mức 950 USD/tấn và là mức giá cao nhất kể từ tháng 01/2014. Tuy nhiên, sau thời điểm đó giá CP lại giảm liên tiếp trong 6 tháng tiếp theo với tổng mức giảm lên tới 375 USD/tấn, gây thiệt hại lớn về chênh lệch giá hàng tồn kho cho các doanh nghiệp kinh doanh LPG.

Thị trường LPG đầu ra tiếp tục chịu sự cạnh tranh gay gắt với sự tham gia của hàng trăm doanh nghiệp kinh doanh gas với hàng trăm thương hiệu khác nhau. Tình trạng cạnh tranh không lành mạnh trong ngành hàng (hàng trộn chất lượng thấp, sang chiết nạp trái phép, chiếm dụng vỏ bình...) tiếp tục gây khó khăn cho nhiều doanh nghiệp kinh doanh tuân thủ pháp luật. Gas Petrolimex tiếp tục bị cạnh tranh trực diện của các đối thủ về sản phẩm (làm tương tự màu sắc vỏ bình và van bình); giá cả

(định giá luôn thấp hơn); dịch vụ kỹ thuật và kênh phân phối. Những yếu tố này tiếp tục gây khó khăn cho công tác phát triển gas bình của Tổng công ty.

Trong bối cảnh dịch Covid bùng phát và những khó khăn chung của nền kinh tế nói chung và của ngành kinh doanh Gas nói riêng, toàn Tổng công ty đã nhận thấy rõ hơn, trực diện hơn những vấn đề nổi cộm, những điểm mạnh, điểm yếu của các đơn vị kinh doanh cùng ngành hàng và xu hướng thị trường, vùng thị trường còn trống Gas Petrolimex. Do đó, ngay từ đầu năm 2022, Tổng công ty đã rà soát, đánh giá lại mạng lưới phân phối hiện có và chính sách sản phẩm đặc biệt là kênh bán trực tiếp để thiết lập, quy hoạch lại mạng lưới các trạm chiết nạp Gas và điểm bán, từ đó xây dựng các bài toán để tiếp cận, phát triển thị trường còn trống Gas Petrolimex, xác lập chiến lược kinh doanh trong ngắn hạn và tương lai từ 5~10 năm tới bao gồm chiến lược về mạng lưới, kênh phân phối, chính sách sản phẩm, mô hình tổ chức, con người, tài chính kế toán và công nghệ thông tin trong quá trình chuyển đổi số.

Năm 2022 trong bối cảnh thị trường LPG còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức từ các yếu tố khách quan, bất khả kháng nhưng với các giải pháp kinh doanh phù hợp, bên cạnh đó là sự ủng hộ của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam, của các Cổ đông Tổng công ty và các công ty xăng dầu trong ngành, sự chỉ đạo thường xuyên của Hội đồng quản trị, đặc biệt là sự cố gắng, đồng lòng và quyết tâm của Ban điều hành cùng toàn thể người lao động, Tổng công ty đã hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội cổ đông đề ra, sản lượng có sự phục hồi và tăng trưởng làm tiền đề phát triển cho các năm tiếp theo. Tổng công ty là vẫn là đơn vị có kết quả về chỉ tiêu lợi nhuận cao nhất trong số các hãng kinh doanh thuần LPG được niêm yết trên thị trường chứng khoán, cổ tức được duy trì ổn định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và người lao động của Tổng công ty. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 của Tổng công ty thể hiện ở các chỉ tiêu kinh doanh chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH2021	KH2022	TH2022	So sánh (%)	
						TH2021	KH2022
1	Tổng doanh thu thuần hợp nhất	Triệu đ	3.362.912	3.528.883	4.014.358	119%	114%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Triệu đ	160.019	160.000	160.212	100%	100%
3	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Triệu đ	125.818	128.000	126.618	101%	99%
4	Tỷ suất LNST hợp nhất/vốn điều lệ BQ	%	20,9%	21,2%	21,0%	101%	99%
5	Tỷ lệ cổ tức	%	14%	Tối thiểu 12%	Dự kiến 15%		

(Theo báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022)

Để đạt được kết quả nêu trên, Tổng công ty đã triển khai thực hiện các nhóm giải pháp năm 2022 như sau:

1/ Công tác kinh doanh:

- Công tác tạo nguồn và đảm bảo nguồn hàng:

Tổng công ty tiếp tục thực hiện các chính sách linh hoạt trong khâu tạo nguồn, đa dạng hoá nguồn hàng cung ứng, duy trì quan hệ hợp tác mua hàng với nhiều nhà cung

cấp đều là các đơn vị có uy tín trong nước và trong khu vực để có được giá nhập mua cạnh tranh nhất trong các kỳ đàm phán mua hàng.

Tổng công ty tiếp tục chú trọng công tác thu thập thông tin thị trường, giao dịch quốc tế và khu vực, diễn biến giá CP, tình hình nguồn cung để hỗ trợ cho công tác đảm bảo nguồn hàng cũng như hoạt động kinh doanh. Thông tin về diễn biến giá CP được cập nhật hàng ngày tới các đơn vị, bộ phận trực thuộc để phục vụ công tác bán hàng.

- *Kinh doanh gas rời:*

Tổng công ty đã chủ động xây dựng chính sách giá bán linh hoạt cũng như tăng cường công tác dịch vụ kỹ thuật, nâng cao chất lượng khâu giao nhận vận tải ..., để giữ chân các khách hàng truyền thống, các khách hàng có sản lượng tiêu thụ ổn định, khả năng thanh toán tốt. Công tác tiếp thị tiếp tục được đẩy mạnh để tìm kiếm khách hàng mới, đặc biệt tại các khu công nghiệp tập trung. Ngoài ra, trong điều kiện khó khăn chung của nền kinh tế, Tổng công ty tiếp tục quan tâm đến vấn đề an toàn tài chính trong triển khai chính sách kinh doanh, không để phát sinh công nợ khó đòi.

- *Kinh doanh gas bình:*

Xuất phát từ tình hình thị trường đối mặt với nhiều khó khăn từ các yếu tố không thuận lợi của kinh tế vĩ mô, Tổng công ty đã cố gắng tập trung tối đa nguồn lực để gia tăng sản lượng bán hàng với các giải pháp sau:

- + Đối với kênh bán trực tiếp, Tổng công ty đã tìm các giải pháp để đẩy mạnh sản lượng như thực hiện chính sách giá có sự phân biệt và có tính linh hoạt cao, có sự uyển chuyển, gắn kết giữa giá bán và thời hạn thanh toán, đầu tư, hỗ trợ kịp thời các đơn vị khoán nhằm tiếp cận vào các nhóm khách hàng tiềm năng: các siêu thị, trung tâm thương mại, trường học, nhà hàng, khách sạn...; phân chia khách hàng thành từng nhóm đối tượng để có chính sách bán hàng phù hợp với từng nhóm; tập trung phát triển các khách hàng có sản lượng lớn, đẩy mạnh công tác dịch vụ kỹ thuật sau bán hàng.
- + Đối với kênh bán qua các công ty xăng dầu trong ngành thuộc hệ thống Petrolimex, Tổng công ty thực hiện các chương trình hỗ trợ phát triển bán lẻ trực tiếp đến các điểm bán là cửa hàng xăng dầu và cửa hàng chuyên doanh của các công ty xăng dầu nhằm mục đích hỗ trợ các cửa hàng xăng dầu, cửa hàng chuyên doanh tăng trưởng bền vững và gia tăng sản lượng.
- + Đối với kênh đại lý ngoài ngành, Tổng công ty tiếp tục có các chính sách phù hợp nhằm duy trì, phát triển và mở rộng mạng lưới. Tổng công ty cũng thực hiện quy hoạch lại các đại lý tại một số vùng thị trường, tập trung gia tăng sản lượng đối với một số khách hàng truyền thống có nhiều tiềm năng, khai thác thêm đại lý mới là hộ kinh doanh bán lẻ trực tiếp đến người tiêu dùng nhằm giữ ổn định và từng bước gia tăng sản lượng đối với kênh đại lý ngoài ngành.

- *Công tác PR, quảng cáo, chống gian lận thương mại:*

Công tác PR, quảng cáo tiếp tục được chú trọng với nhiều hình thức quảng bá thương hiệu đa dạng nhằm thông tin tới người tiêu dùng chất lượng sản phẩm và

dịch vụ vượt trội của Gas Petrolimex như PR qua các kênh truyền thông Youtube, Facebook, qua website... Công tác chống gian lận thương mại, hàng giả, hàng nhái cũng được chú trọng với nhiều hình thức phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước (báo chí, quản lý thị trường...).

2/ Công tác tổ chức, nhân sự:

Tổng công ty tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp cụ thể: lựa chọn, sắp xếp bố trí cán bộ có đủ năng lực, uy tín đối với trường hợp bổ nhiệm/bổ nhiệm lại vào vị trí phù hợp để phát huy vai trò của cán bộ sử dụng có hiệu quả nguồn lực của Tổng công ty; thực hiện tinh giản bộ máy quản lý, ưu tiên tối đa cho lao động bán hàng; đổi mới cơ cấu, chất lượng lao động để từng bước nâng cao năng suất lao động; thường xuyên rà soát, đánh giá, hợp lý hóa các quy trình nghiệp vụ, trình độ chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng lao động; thực hiện giao khoán tiền lương triệt để đến từng bộ phận, cá nhân người lao động, gắn tiền lương với kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh để tiền lương là đòn bẩy kinh tế nhằm mục tiêu thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển mạnh mẽ và bền vững.

Các phong trào thi đua tiếp tục được đẩy mạnh nhằm vừa tạo sự gắn kết của người lao động cũng như vừa kích thích các hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển, khen thưởng kịp thời đối với đơn vị tăng trưởng, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 và đóng góp vào thành tích chung hoàn thành kế hoạch của Tổng công ty.

3/ Công tác tài chính:

Tổng công ty tiếp tục chú trọng tiết giảm chi phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh, thực hiện rà soát lại các quy trình quản lý chi phí, định mức khoán; khai thác tối đa hiệu quả dòng tiền để đem lại hiệu quả tài chính, góp phần vào hiệu quả chung của toàn Tổng công ty. Bên cạnh đó, trong bối cảnh dư nợ tín dụng tại các ngân hàng thương mại trong nước bị thắt chặt trong các tháng cuối năm, Tổng công ty đã linh hoạt đàm phán với nhà cung cấp nước ngoài để tăng thời hạn thanh toán nhằm đảm bảo ổn định về nguồn hàng, đáp ứng nhu cầu kinh doanh.

Công tác công nợ và an toàn tài chính tiếp tục được chú trọng trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn. Tổng công ty tiếp tục thực hiện đôn đốc, theo dõi diễn biến công nợ tại các đơn vị trực thuộc; trực tiếp kiểm tra và chấn chỉnh công tác quản lý tại các cửa hàng, chi nhánh, không để phát sinh công nợ tồn đọng mới; trực tiếp làm việc thu hồi nợ tại các đơn vị nợ quá hạn; tiếp tục triển khai bảo lãnh khi ký hợp đồng bán hàng; phân loại công nợ và phân loại đối tượng nợ để thu hồi nợ, đồng thời triển khai một số biện pháp mạnh để thu hồi nợ. Nhờ thực hiện nhiều giải pháp quyết liệt, trong năm qua Tổng công ty đã thu hồi và xử lý được 90% số công nợ tồn đọng.

4/ Công tác đầu tư, xây dựng cơ bản, quản lý kỹ thuật:

Công tác đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất tiếp tục được chú trọng để phục vụ tốt hơn cho công tác bán hàng. Trong năm 2022, Tổng công ty đã hoàn thiện hai dự án trọng điểm, bao gồm Dự án mở rộng sức chứa Nhà máy Đà Nẵng và Dự án thay

thế thiết bị đo tính điện tử tự động và lường lại 3 bồn cầu LPG tại Nhà máy Sài Gòn, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh các dự án đầu tư trọng điểm khác như Dự án xây dựng Trụ sở văn phòng và Trung tâm điều hành kinh doanh của PGC Hải Phòng, Dự án Di dời Trạm nạp LPG Quảng Bình... Bên cạnh đó, Tổng công ty cũng triển khai đầu tư nâng cấp, cải tạo các hạng mục tại các Nhà máy, trạm nạp như máy bơm, trạm biến áp, bơm chữa cháy..., đầu tư bổ sung phương tiện vận tải để nâng cao năng lực tự vận tải.

Tổng công ty cũng duy trì công tác bảo dưỡng thường xuyên, kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị đo lường và kiểm định các máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đúng định kỳ tại các Nhà máy, trạm nạp, đồng thời chú trọng công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn vệ sinh lao động..., nhờ đó trong năm qua trên toàn Tổng công ty đã không phát sinh bất kỳ sự cố mất an toàn nào trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

5/ Công tác công nghệ thông tin:

Tổng công ty tiếp tục chú trọng đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị doanh nghiệp; triển khai nâng cấp phần mềm FTS, nâng cấp hàm ký số trên thiết bị HSM và kết nối trực tiếp với Tổng cục thuế để truyền hoá đơn điện tử; đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin. Hệ thống công nghệ thông tin được vận hành ổn định, đảm bảo công tác an ninh, an toàn dữ liệu đồng thời hỗ trợ tốt cho công tác bán hàng, góp phần nâng cao chất lượng của công tác quản trị nội bộ cũng như tính chính xác và kịp thời của các quyết định quản lý.

6/ Công tác an sinh, xã hội:

Bên cạnh hoạt động kinh doanh, Tổng công ty cũng tiếp tục tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội, đóng góp cho cộng đồng như tham gia hiến máu tình nguyện, tổ chức hoạt động từ thiện, ủng hộ gia đình cán bộ, nhân viên có hoàn cảnh khó khăn, chăm lo Tết cho người nghèo, ủng hộ quỹ vì người nghèo, nạn nhân chất độc màu da cam dioxin, hội người khuyết tật, gia đình có công với cách mạng, chi tài trợ giáo dục, ủng hộ địa phương cũng như tham gia các hoạt động từ thiện khác. Các hoạt động này một mặt nâng cao hình ảnh của Tổng công ty, đồng thời thể hiện trách nhiệm của Tổng công ty đối với cộng đồng.

II- KẾ HOẠCH NĂM 2023 VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Các yếu tố ảnh hưởng

Các yếu tố khó khăn

Năm 2022 là một năm ảm đạm với nền kinh tế toàn cầu nhưng theo nhận định của của nhiều định chế tài chính, nền kinh tế thế giới năm sau có thể diễn biến tệ hơn, thậm chí nhiều quốc gia có thể nguy cơ rơi vào suy thoái. Chính sách tăng mạnh lãi suất của Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) và ngân hàng trung ương của các nền kinh tế lớn nhằm kiềm chế lạm phát sẽ tiếp tục gây ra những tác động tiêu cực tới nền kinh tế toàn cầu. Bên cạnh đó, các rủi ro về địa chính trị, sự đối đầu giữa Nga và các nước phương Tây, chi phí năng lượng, khí đốt tăng cao tại Châu Âu, thiếu hụt nguồn cung, đứt gãy chuỗi cung ứng, ... cũng góp phần làm trầm trọng thêm những khó khăn của kinh tế thế giới trong năm 2023.

Đối với trong nước, nền kinh tế nước ta được dự báo tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức từ những tác động phức tạp của của tình hình chính trị, kinh tế thế giới và khu vực. Cuộc chiến ở Ukraine, lãi suất quốc tế tăng và nguy cơ suy thoái kinh tế ngày càng tăng ở Mỹ và Châu Âu có thể ảnh hưởng đến nhu cầu đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam và làm tăng rủi ro bất ổn kinh tế vĩ mô. Trong khi đó, về năng lực nội tại, năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn yếu, áp lực lạm phát, lãi suất, tỷ giá tăng vẫn còn lớn và đang là thách thức đối với điều hành kinh tế vĩ mô.

Sự cạnh tranh từ các sản phẩm thay thế ngày càng mạnh mẽ, dự kiến trong quý 3~4/2023 kho LNG Thị Vải của Tổng công ty khí Việt Nam (Pvgas) sẽ được đưa vào khai thác. Như vậy, lĩnh vực gas công nghiệp trong thời gian tới sẽ chịu sức ép cạnh tranh rất lớn từ hai loại nhiên liệu CNG và LNG vốn có giá bán cạnh tranh hơn. Đối với lĩnh vực dân dụng, người tiêu dùng tại thành thị thay đổi lối sống theo hướng chung cư hóa, kéo theo việc sử dụng sản phẩm thay thế LPG ngày càng nhiều (các thiết bị sử dụng điện như bếp từ, bếp điện) sẽ khiến việc phát triển sản lượng gas bình tại các thành phố lớn gặp nhiều khó khăn.

Nhà nước hoàn toàn chưa có chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển ngành hàng LPG cho dù đây là nhiên liệu sạch, thân thiện với môi trường. Trong khi đó trong nội bộ ngành, sự cạnh tranh vẫn diễn ra quyết liệt, gay gắt. Các biện pháp cạnh tranh không lành mạnh như chiếm dụng vỏ bình, chiết nạp trái phép ... vẫn diễn ra phổ biến, gây khó khăn cho các doanh nghiệp kinh doanh tuân thủ pháp luật. Bên cạnh đó, do tính chất đặc thù, Tổng công ty chỉ kinh doanh đơn sản phẩm và dưới một thương hiệu duy nhất, điều này khiến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty đối mặt với nhiều rủi ro trước những biến động của thị trường như biến động giá CP, biến động tỷ giá, sự cạnh tranh của nhiên liệu thay thế, thay đổi chính sách về ngành hàng của nhà nước ...

Chịu sự tác động từ biến động phức tạp của giá dầu thô cũng như yếu tố cung cầu, vận chuyển..., giá CP được dự báo vẫn sẽ diễn biến phức tạp và khó dự đoán. Điều này tiếp tục khiến công tác nguồn hàng của Tổng công ty gặp nhiều khó khăn

trong việc cân bằng giữa yếu tố đảm bảo ổn định nguồn hàng và giảm thiểu rủi ro về chênh lệch giá tồn kho.

Các yếu tố thuận lợi

Bên cạnh những yếu tố khó khăn, nền kinh tế Việt Nam được nhiều tổ chức tài chính quốc đánh giá vẫn sẽ duy trì được tốc độ tăng trưởng cao và là điểm sáng trong khu vực nhờ dịch Covid đã được kiểm soát hoàn toàn, kinh tế vĩ mô ổn định, dòng vốn FDI dồi dào trong bối cảnh các doanh nghiệp nước ngoài đang chuyển dịch chuỗi cung ứng ... Quốc hội đã đề ra các chỉ tiêu chủ yếu trong phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 gồm: Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) khoảng 6,5%; GDP bình quân đầu người đạt khoảng 4.400 đô la Mỹ (USD). Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP đạt khoảng 25,4-25,8%. Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân khoảng 5,0-6,0%. Ngành hàng LPG nói chung sẽ được hưởng lợi từ sự tăng trưởng kinh tế trong nước.

Thương hiệu Gas Petrolimex đã tạo được uy tín trên thị trường và được khách hàng, người tiêu dùng đánh giá cao về chất lượng sản phẩm cũng như chất lượng dịch vụ. Hệ thống cơ sở vật chất được đầu tư mở rộng như kho Thọ Quang, kho Nhà Bè... sẽ góp phần nâng cao hiệu suất và duy trì hình ảnh của Tổng công ty trước khách hàng. Các cơ chế khoán, các chính sách kinh doanh của Tổng công ty ngày càng được sửa đổi, hoàn thiện sẽ phát huy tác dụng tích cực, tạo động lực cho người lao động trong cải thiện năng suất lao động và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Tổng công ty luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam và các công ty xăng dầu trong ngành trong công tác phát triển thị trường LPG.

Dư địa tăng trưởng cho LPG tại nước ta vẫn còn lớn bởi hiện nay LPG mới chỉ được sử dụng chủ yếu trong lĩnh vực đun nấu (nhà hàng, nhà dân) và lĩnh vực công nghiệp, còn nhiều tiềm năng phát triển LPG tại các lĩnh vực khác như làm nhiên liệu giao thông vận tải (auto gas), ứng dụng trong nông nghiệp, nguyên liệu hoá dầu ... Mức sống của người dân ngày càng được cải thiện, vì vậy LPG ngày càng được sử dụng nhiều tại các vùng thị trường nông thôn, miền núi chứ không còn là sản phẩm xa xỉ, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp tăng sản lượng, mở rộng thị phần tại các vùng thị trường tiềm năng này.

2. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023:

Trên cơ sở đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố khó khăn và thuận lợi tới hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổng công ty dự kiến xây dựng kế hoạch năm 2023 với các chỉ tiêu chính như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023	So thực hiện 2022
1	Doanh thu hợp nhất (tỷ đồng)	4.154	104%
2	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế (tỷ đồng)	168	105%
3	Chia cổ tức	Tối thiểu 12%	

3. Các giải pháp trọng tâm

Để hoàn thành các mục tiêu chủ yếu trên đây trong bối cảnh môi trường kinh tế thế giới cũng như trong nước còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, Tổng công ty sẽ tập trung vào các nhóm giải pháp trọng tâm đã được thực hiện hiệu quả trong các năm trước đó và có điều chỉnh linh hoạt tùy thuộc tình hình biến động của thị trường, đẩy mạnh công tác chuyển đổi số trong toàn Tổng công ty, bao gồm các khâu quản lý, sản xuất và mua bán hàng, đồng thời hoàn thiện các quy định, quy chế để đảm bảo phù hợp với các quy định của Nhà nước và thực tế hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Các nhóm giải pháp cụ thể như sau:

a/ Giải pháp về kinh doanh:

Đối với công tác nguồn hàng:

Tiếp tục đa dạng hoá nguồn hàng cung ứng nhằm tạo lợi thế trong quá trình đàm phán mua hàng với các nhà cung cấp; tích cực tìm kiếm các nguồn hàng chất lượng tốt và giá cả cạnh tranh, các nguồn hàng có thuế suất ưu đãi từ các nước trong khu vực để giảm giá thành và hỗ trợ cho công tác kinh doanh;

Bám sát dự đoán, phân tích tình hình thị trường, nguồn cung, diễn biến giá CP trong dài hạn cũng như ngắn hạn của các tạp chí thị trường có uy tín để điều hành công tác nguồn hàng hiệu quả nhất; linh hoạt trong công tác điều độ, giao nhận hàng hoá để đảm bảo ổn định nguồn hàng kinh doanh.

Đối với công tác kinh doanh gas rời:

Tích cực tìm kiếm, mở rộng thêm các khách hàng mới, đặc biệt tại các khu công nghiệp tập trung. Bám sát các dự án tại các khu công nghiệp, nắm bắt thông tin, tiếp cận với khách hàng ngay từ giai đoạn đầu của dự án để chào thầu lắp đặt hệ thống thiết bị, tạo cơ hội cho việc cung cấp LPG.

Áp dụng chính sách giá bán linh hoạt đối với từng đối tượng khách hàng trên cơ sở gia tăng sản lượng gắn với an toàn tài chính, phấn đấu hoàn thành kế hoạch kinh doanh.

Tiếp tục cải thiện chất lượng khâu dịch vụ kỹ thuật sau bán hàng, giao nhận vận tải, đặc biệt là công tác vận tải tự làm để nâng cao hình ảnh, uy tín của Tổng công ty nhằm giữ vững và phát triển khách hàng.

Đối với các đơn vị xăng dầu thuộc hệ thống Petrolimex, Tổng công ty tiếp tục tăng cường hợp tác và hỗ trợ toàn diện với các đơn vị xăng dầu để phát huy lợi thế sẵn có thương hiệu Petrolimex, duy trì và mở rộng bán gas công nghiệp cho các khách hàng trên địa bàn các tỉnh.

Chú trọng đến vấn đề an toàn tài chính; sát sao đôn đốc, thu hồi công nợ trong công tác bán hàng, tuyệt đối không để phát sinh công nợ khó đòi.

Đối với công tác kinh doanh gas bình:

Đẩy mạnh phát triển mở rộng mạng lưới, nghiên cứu các địa điểm mở bán phù hợp và có độ phủ thị trường triệt để; thúc đẩy tăng sản lượng và hiệu quả bán hàng của các điểm bán mới mở;

Đẩy mạnh triển khai các hình thức bán hàng áp dụng công nghệ số, xây dựng cơ chế và chính sách bán hàng phù hợp với các hình thức bán hàng này;

Nâng cao hơn nữa công tác bảo trì, bảo dưỡng, kiểm tra an toàn, dịch vụ kỹ thuật sau bán hàng đối với mọi đối tượng khách hàng để nâng cao uy tín, hình ảnh của Tổng công ty đối với khách hàng;

Tăng cường công tác nhận diện thương hiệu thông qua các chiến dịch truyền thông trên đa phương tiện, nhận diện thương hiệu trên các vật phẩm khuyến mại, nghiên cứu bổ sung các vật phẩm hỗ trợ khác phù hợp với thị hiếu của khách hàng tại từng vùng thị trường cụ thể;

Bám sát diễn biến thị trường, tăng cường phối hợp và hỗ trợ kịp thời các đơn vị xăng dầu trong hệ thống Petrolimex trong công tác phát triển thị trường, đồng thời tiếp tục triển khai xây dựng các chính sách bán hàng, chính sách giá và chiết khấu phù hợp đối với kênh tổng đại lý, đại lý ngoài ngành nhằm khai thác tối đa lợi thế của kênh bán, chú trọng phát triển hệ thống đại lý bán trực tiếp tới người tiêu dùng;

Chủ động phối hợp cùng với các cơ quan chức năng, các đơn vị kinh doanh gas khác trên địa bàn nhằm chống lại các hiện tượng hàng giả, hàng nhái. Bên cạnh đó, Tổng công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu để ngày càng hoàn thiện các biện pháp chống giả nhằm bảo vệ sản phẩm gas bình Petrolimex và đảm bảo quyền lợi của người tiêu dùng.

Phát triển sản phẩm mới:

Tích cực nghiên cứu để ứng dụng LPG vào các lĩnh vực mới nhằm gia tăng sản lượng; làm việc với các nhà cung cấp đầu nguồn trong và ngoài nước để tham gia một phần trong chuỗi giá trị cung cấp sản phẩm LNG, CNG ra thị trường nhằm đa dạng hoá mặt hàng kinh doanh, tạo tiền đề cho sự mở rộng, phát triển của Tổng công ty trong thời gian tới;

b/ Giải pháp về công nghệ thông tin

Triển khai Website bán hàng qua tổng đài tại Tổng công ty để hỗ trợ hiệu quả cho công tác bán hàng.

Triển khai phần mềm Quản lý nhân sự - tiền lương nhằm hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản trị nhân sự, tiền lương.

Tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện phần mềm FTS; đẩy mạnh số hoá, ứng dụng phần mềm trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm phục vụ hiệu quả công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Nghiên cứu triển khai công tác chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý chai LPG, truyền dữ liệu hệ thống đóng nạp và đo tính LPG trong bồn từ các nhà máy, trạm nạp về văn phòng điều hành.

Đầu tư, nâng cấp hạ tầng CNTT để đáp ứng cho công tác chuyển đổi số và công tác quản trị; tiếp tục đảm bảo vận hành hệ thống CNTT hoạt động ổn định, không bị gián đoạn, hiệu năng được nâng cao, đảm bảo công tác an ninh, an toàn, không xảy ra hư hỏng, mất dữ liệu để phục vụ sản xuất kinh doanh.

c/ Giải pháp về đầu tư cơ bản, quản lý kỹ thuật

Công tác đầu tư:

Tiếp tục tập trung đẩy mạnh tiến độ các dự án trọng điểm, bao gồm: Dự án Trụ sở văn phòng và Trung tâm điều hành kinh doanh – PGC Hải Phòng; Dự án Di dời trạm nạp gas Petrolimex Quảng Bình.

Đầu tư mới máy đóng nạp bình gas cho các trạm nạp, đầu tư phương tiện vận chuyển và tiến hành sửa chữa, cải tạo các hạng mục phụ trợ theo kế hoạch đã được phê duyệt nhằm tăng công suất, chất lượng sản phẩm, quản lý đo tính hàng hóa nhập xuất tại nhà máy, trạm nạp.

Công tác quản lý kỹ thuật:

Tiếp tục rà soát và đầu tư nâng cấp các thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác sản xuất tại các nhà máy nhằm tăng công suất và chất lượng sản phẩm tại các nhà máy. Thường xuyên chú trọng, quan tâm công tác kỹ thuật ngành hàng, công tác an toàn phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn, an toàn vệ sinh lao động...

d/ Giải pháp về tổ chức, nhân sự

Tiếp tục rà soát mô hình tổ chức, thường xuyên kiện toàn lại bộ máy hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng thích ứng và năng động, phù hợp với cơ chế thị trường và từng bước tiến tới mô hình quản lý tinh gọn, hiệu quả; tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức bán hàng áp dụng công nghệ số; triển khai mô hình Điểm bán hàng Gas bình trực tiếp tại các vùng thị trường còn trống Gas Petrolimex trên phạm vi toàn quốc; nghiên cứu loại hình/hình thức ký Hợp đồng đối với người lao động tại các Cửa hàng/Điểm bán hàng đảm bảo đủ nhân sự vận chuyển, bán hàng phù hợp với quy định pháp luật; Rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ, thực hiện đánh giá, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ theo đúng quy định nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy nhân sự;

Đẩy mạnh công tác đào tạo nhằm nâng cao năng lực, trình độ quản trị, trình độ chuyên môn của cán bộ, nhân viên của Tổng công ty nhằm thích ứng môi trường hoạt động kinh doanh trong giai đoạn mới cũng như các hình thức bán hàng mới.

Tiếp tục hoàn thiện các chính sách tiền lương, chính sách đãi ngộ, khen thưởng hợp lý đối với người lao động, cụ thể rà soát, sửa đổi hoàn thiện quy chế tiền lương đối với người lao động để giải quyết chế độ tiền lương và chế độ khác phù hợp hơn với thực tiễn của Tổng công ty. Tiếp tục thực hiện giao khoán tiền lương triệt để đến từng bộ phận, cá nhân người lao động, gắn tiền lương với kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh để tiền lương là đòn bẩy kinh tế nhằm mục tiêu thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển mạnh mẽ và bền vững. Ứng dụng công nghệ thông tin (*xây dựng phần mềm nhân sự, tiền lương, bảo hiểm xã hội*) để quản lý lao động, thanh toán tiền lương và giải quyết chế độ chính sách khác đối với người lao động, đảm bảo đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua trong toàn Tổng công ty với hình thức phù hợp; tổng kết, bình xét thi đua, khen thưởng xứng đáng với tập thể, cá nhân

người lao động đạt thành tích cao trong các phong trào thi đua để tạo động lực khuyến khích người lao động nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

Nâng cao nghiệp vụ pháp chế, rà soát công tác tư vấn pháp luật để các hoạt động của Tổng công ty, các công ty thành viên đều tuân thủ đúng pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho doanh nghiệp và người lao động; tiếp tục rà soát, sửa đổi các văn bản quản lý của Tổng công ty để đảm bảo đúng pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế và đáp ứng tốt yêu cầu công tác quản trị của Tổng công ty, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh.

e/ Giải pháp về tài chính

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống kế toán quản trị để phục vụ tốt hơn cho công tác quản lý điều hành thống nhất trong toàn Tổng công ty; thường xuyên rà soát các quy trình quản lý chi phí, định mức khoán nhằm thực hiện tiết kiệm tối đa chi phí kinh doanh; giám sát chặt chẽ công tác quản lý chi phí vô bình từ các khâu đặt mua vô bình, các vật tư có liên quan đến vô bình, định mức sơn sửa, kiểm định, thay van... cũng như tiết kiệm các chi phí có liên quan đến vô bình;

Vận dụng linh hoạt trong công tác quản lý dòng tiền, tìm kiếm cơ hội gia tăng lợi nhuận tại các thời điểm có sự chênh lệch lớn về lãi suất để nâng cao hiệu quả tài chính;

Tiếp tục thực hiện nghiêm chỉnh quy chế quản lý công nợ của Tổng công ty, tập trung vào công tác kiểm soát và thu hồi công nợ, đặc biệt là công nợ tồn đọng và chậm thanh toán; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, chế độ thi đua khen thưởng đối với công tác thu hồi công nợ; tăng cường công tác phối hợp với các cơ quan chức năng, tư vấn luật để tìm các giải pháp thu hồi công nợ, gắn trách nhiệm cá nhân các cấp trong quá trình bán hàng, thu hồi công nợ./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Số:PGC/BC-HĐQT



Hà Nội, Ngày tháng 05 năm 2023

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX-CTCP NĂM 2022**

Hội đồng quản trị Tổng công ty Gas Petrolimex – CTCP năm 2022 bao gồm các ông, bà có tên dưới đây:

- | | | | | |
|----|-----|-------------------|---|---------------|
| 1. | Ông | Nguyễn Quang Dũng | - | Chủ tịch HĐQT |
| 2. | Ông | Nguyễn Hữu Quang | - | Ủy viên HĐQT |
| 3. | Ông | Nguyễn Khắc Trí | - | Ủy viên HĐQT |
| 4. | Ông | Giang Trung Kiên | - | Ủy viên HĐQT |
| 5. | Ông | Trần Vũ Nam | - | Ủy viên HĐQT |

Năm 2022, Hội đồng quản trị Tổng công ty Gas Petrolimex (HĐQT) đã tổ chức nhiều phiên họp dưới các hình thức khác nhau, từ họp tập trung đến các hình thức trực tuyến, hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phù hợp với những quy định hiện hành tại Điều lệ Tổng công ty. Tại các phiên họp, trên cơ sở những báo cáo của Tổng giám đốc về tình hình hoạt động của Tổng công ty cũng như các giải pháp tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh trong từng giai đoạn để đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch được giao, các thành viên HĐQT đã đi sâu bàn bạc, phân tích để từ đó có những chỉ đạo sát với tình hình hoạt động của Tổng công ty thông qua nhiều hình thức đa dạng như chỉ đạo trực tiếp tại mỗi cuộc họp và/hoặc Nghị quyết sau mỗi cuộc họp. Các hoạt động cụ thể trong năm như sau:

1/ Công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trên cơ sở rà soát, đánh giá, phân tích những kết quả đã đạt được trong năm 2021; nhìn nhận sự nỗ lực, phấn đấu của cán bộ, CNV, người lao động trong Tổng công ty; phân tích kỹ dự báo về tình hình kinh tế-xã hội, những ảnh hưởng tích cực, tiêu cực tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong năm 2022, HĐQT đã có những chỉ đạo sát sao đối với Ban điều hành về việc triển khai xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 với nhiều kịch bản khác nhau, sau đó trên cơ sở đánh giá kỹ lưỡng, lựa chọn phương án tối ưu nhất để trình Đại hội cổ đông thường niên của Tổng công ty. Sau khi được Đại hội cổ đông thông qua Kế hoạch, Hội đồng quản trị đã triển khai giao kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết cho Tổng công ty và các công ty TNHH Gas Petrolimex thành viên. Với quyết tâm phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được giao, HĐQT đã luôn bám sát quá trình triển khai thực hiện kế hoạch của Tổng công ty. Tại từng phiên họp của HĐQT, trên cơ sở báo cáo của Tổng giám đốc, HĐQT đã phân tích, đánh giá và đưa ra những nhận định, chỉ đạo kịp thời nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh sát với tình hình thực tế của Tổng công ty và sự biến động của môi trường kinh doanh từ đó có những giải pháp, những chỉ đạo phù hợp trong các giai đoạn tiếp theo.

Mặc dù hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 vẫn còn nhiều khó khăn, giá LPG có những biến động khó dự đoán gây ảnh hưởng bất lợi tới hiệu quả kinh doanh của Tổng công

ty, nhưng nhờ có sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, kết quả sản xuất kinh doanh vẫn đảm bảo hoàn thành được kế hoạch đã ĐHCĐ giao. Tổng doanh thu thuần hàng hóa, dịch vụ đạt 4.014 tỷ đồng, đạt 114% kế hoạch và bằng 119% so với thực hiện năm 2021; Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 160,2 tỷ đồng, bằng 100,1% kế hoạch và bằng 100,1% thực hiện năm 2021.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trên một số chỉ tiêu chính như sau:

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2021	KH 2022	TH 2022	So sánh (%)	
						TH 2021	KH 2022
1	Vốn điều lệ	Triệu đ	603.426	603.426	603.426	100,0%	100,0%
2	Tổng doanh thu thuần hợp nhất	Triệu đ	3.362.912	3.528.883	4.014.358	119%	114%
3	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Triệu đ	160.019	160.000	160.212	100%	100%
4	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Triệu đ	125.818	128.000	126.618	101%	99%
5	Tỷ suất LNST hợp nhất/vốn điều lệ BQ	%	20,9%	21,2%	21,0%	101%	99%
6	Tỷ lệ Cổ tức/vốn góp	%	14%	Tối thiểu 12%	Dự kiến 15%	107%	

2/ Công tác tổ chức và đổi mới mô hình hoạt động

Tiếp tục thực hiện mô hình tổ chức hoạt động theo hướng ưu tiên các nguồn lực để phát triển thị trường, tổ chức quản lý kinh doanh theo hướng thống nhất về mô hình, thuận lợi trong việc tổ chức phát triển thị trường, giảm thiểu cạnh tranh nội bộ,... HĐQT thường xuyên chỉ đạo rà soát, đánh giá các mô hình hoạt động, sắp xếp lại mạng lưới bán hàng để nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh doanh. Cụ thể:

- Ban hành Quy chế quản lý và thực hiện công tác cán bộ, ban hành kèm theo Quyết định số 070/PGC-QĐ-HĐQT ngày 06/6/2022 thay thế một phần Quy chế thực hiện công tác tổ chức nhân sự, ban hành kèm theo Quyết định số 053/PGC-QĐ-HĐQT ngày 08/4/2013.
- Thực hiện các quy trình, thủ tục hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, phê duyệt bổ nhiệm/bổ nhiệm lại các chức danh cán bộ, cụ thể: bổ nhiệm mới 08 cán bộ; Bổ nhiệm lại/kéo dài thời gian giữ chức vụ là 20 cán bộ; điều động 01 cán bộ nhận nhiệm vụ trợ lý Tổng giám đốc lĩnh vực chuyển đổi số; phê duyệt bổ nhiệm/bổ nhiệm lại 13 cán bộ; nghỉ chế độ hưu trí 01 cán bộ.
- Tổng công ty thường xuyên rà soát, đánh giá, hợp lý hóa các quy trình nghiệp vụ, trình độ chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng lao động, tiết kiệm tối đa lao động, đổi mới cơ cấu, chất lượng lao động để từng bước nâng cao năng suất lao động. Tại thời điểm 31/12/2022 số lao động có mặt tại Tổng công ty và các PGC thành viên là 932 lao động, tăng 01 lao động so với 31/12/2021. Tuy nhiên, biến động tăng giảm lao động lại khá nhiều, lao động giảm trong kỳ là 55 người, lao động tăng là 56 người, đặc biệt các đơn vị có trụ sở tại địa bàn miền nam, gây khó khăn nhất định trong việc tuyển dụng lao động. Tổng công ty tiếp tục theo dõi, nghiên cứu, phối hợp các PGC thành viên thực hiện đa dạng hóa các hình thức thu thập hồ sơ tuyển dụng như đăng tuyển tại các trang website việc làm, Trung tâm xúc tiến và giới thiệu việc làm, các công ty tuyển dụng chuyên nghiệp, các trường nghề liên quan để tìm kiếm nguồn lao động phù hợp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ SXKD (Lao động tuyển dụng mới chủ yếu để bổ sung, thay thế lao động nghỉ hưu, chấm dứt hợp đồng lao động);

- Đẩy mạnh công tác phối hợp, hỗ trợ các công ty xăng dầu thành viên của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam để mở rộng mạng lưới kinh doanh, gia tăng thị phần của Tổng công ty; đồng thời khai thác tốt hơn mạng lưới phân phối riêng có của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam, tạo sự phát triển ổn định và bền vững;
- Tăng cường công tác quản lý hoạt động của các công ty con, các chi nhánh trực thuộc nhằm gia tăng sản lượng xuất bán, gia tăng thị phần và nâng cao hiệu quả kinh doanh;

3/ Đối với công tác đầu tư cơ sở vật chất ngành hàng:

Công tác đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất tiếp tục được chú trọng để phục vụ tốt hơn cho công tác bán hàng. Trong năm 2022, Tổng công ty tiếp tục tập trung đẩy mạnh triển khai các công trình trọng điểm, bao gồm các dự án: Mở rộng sức chứa Nhà máy LPG Đà Nẵng, Dự án thay thế thiết bị đo tính điện tử tự động và lường lại 3 bồn cầu LPG tại Nhà máy LPG Sài Gòn; Dự án xây dựng Trụ sở văn phòng và Trung tâm điều hành kinh doanh của PGC Hải Phòng và Dự án Di dời Trạm nạp LPG Quảng Bình. Ngoài ra trong năm 2022, Tổng công ty đã tiến hành đầu tư bổ sung 1 xe bán tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cho Chi nhánh Quảng Bình - PGC Đà Nẵng; thay thế trạm biến áp 100KVA cho trạm nạp Ninh Bình; cải tạo, nâng cấp trạm cân nhà máy LPG Đà Nẵng; trang bị 1 xe ô tô tải chở bình gas cho PGC Hải Phòng.

Tổng giá trị thực hiện năm 2022 đạt **34,965 tỷ đồng**, tương đương khoảng 56 % so với kế hoạch năm (năm 2022 chủ yếu triển khai các hạng mục công trình chuyển tiếp từ năm trước và các hạng mục mới đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư). Tỷ trọng thực hiện đạt thấp do nhiều yếu tố chủ quan và khách quan tác động. Do vậy, năm 2023 Tổng công ty cần chỉ đạo các đơn vị khi xây dựng kế hoạch đầu tư phải có tính khả thi và chi tiết về tiến độ dự kiến thực hiện hàng tháng để theo dõi và quản lý

4/ Công tác hoàn thiện các quy chế quản lý:

Trong năm, HĐQT đã phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý và thực hiện công tác tổ chức cán bộ phù hợp với quy định của Pháp luật và tình hình thực tế tại Tổng công ty.

5/ Tình hình tài chính

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,24	1,15
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	1,11	1,06
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,64	0,68
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,79	2,12
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	19,00	20,59
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,39	1,59
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,74	3,15
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	14,48	15,68
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	5,18	5,02

6/ Hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh liên kết

Ngoài hoạt động đầu tư 100% vốn vào 5 công ty TNHH Gas Petrolimex tại Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Sài Gòn và Cần Thơ, Tổng công ty đã đầu tư, góp vốn vào Công ty TNHH cơ khí Gas PMG (PMG) với Vốn điều lệ: 22.524.919.267 đồng, tỷ lệ nắm giữ của Tổng công ty là 51%. Lợi nhuận sau thuế năm 2022 của PMG đạt 11,2 tỷ đồng.

7/ Đánh giá hoạt động quản lý, giám sát năm 2022:

- Năm 2022, HĐQT Tổng công ty đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, quản lý và giám sát toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và việc chấp hành các chế độ chính sách của Đảng và Nhà Nước. Tại các phiên họp của HĐQT, trên cơ sở báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh do Tổng giám đốc trình bày, HĐQT đã kịp thời có những chỉ đạo, điều chỉnh phù hợp với thực tế hoạt động của Tổng công ty. Thông qua các Nghị quyết, Quyết định HĐQT đã nêu ra các định hướng, giải pháp đúng đắn và kịp thời để chỉ đạo hoạt động của Tổng công ty đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội Đồng Cổ đông thông qua và giao nhiệm vụ;
- Thường xuyên rà soát việc thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cũng như các Quy chế quản lý của Tổng công ty đảm bảo sự phù hợp với tình hình phát triển của Tổng công ty. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành các Quy chế đã ban hành; thường xuyên xem xét các kiến nghị của Tổng giám đốc để có những điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp;
- Tiếp tục thực hiện chính sách phát triển mạng lưới qua các công ty xăng dầu trong hệ thống của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam nhằm mở rộng thị trường, gia tăng thị phần đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững
- Đối với công tác đầu tư xây dựng: HĐQT luôn bám sát tình hình triển khai thực hiện các dự án đầu tư lớn, kịp thời ban hành các Nghị quyết điều chỉnh, thay đổi nhằm tạo điều kiện đẩy nhanh công tác triển khai các dự án đầu tư.

8/ Các Nghị quyết đã được HĐQT ban hành trong năm 2022

Trong năm 2022, thông qua các phiên họp hoặc dưới hình thức tập trung, trực tiếp, hoặc thông qua hình thức xin ý kiến bằng văn bản, HĐQT đã ban hành 39 Nghị quyết lãnh đạo, điều hành theo đúng các quy định hiện hành của Pháp luật và của Tổng công ty.

PHẦN II - PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

Trên cơ sở kết quả hoạt động năm 2022 cùng với những nhận định, đánh giá về cơ hội, thách thức trong năm 2023, Hội đồng quản trị Tổng công ty định hướng hoạt động năm 2023 như sau:

- Chuẩn bị tốt các công việc cho tổ chức Đại hội cổ đông năm 2023;
- Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra giám sát về việc thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước; giám sát việc thực hiện các Quy chế đã ban hành; thực hiện các sửa đổi, bổ sung cần thiết đối với các quy chế quản lý đã ban hành nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu quản trị của Tổng công ty;
- Bám sát hoạt động sản xuất kinh doanh trong từng giai đoạn để có các Nghị quyết và Quyết định kịp thời đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong năm 2023 và trong giai đoạn tiếp theo;

- Tiếp tục chỉ đạo ban điều hành thực hiện nghiên cứu phương án kinh doanh sản phẩm mới, bước đầu nghiên cứu khả năng tổ chức kinh doanh khâu hạ nguồn sản phẩm CNG, LNG,...
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thông tin phục vụ cho quản lý, nâng cao năng lực của các hoạt động nghiệp vụ tuyến sau theo hướng tinh gọn nhẹ và đáp ứng nhanh, chính xác yêu cầu thông tin cho hoạt động trực tiếp kinh doanh, bán hàng và các hoạt động mang lại giá trị cho Tổng công ty;
- Chỉ đạo triển khai thực hiện công tác chuyển đổi số tại Tổng công ty.

Kết luận

Năm 2022, Dịch Covid-19 đã từng bước được kiểm soát trên thế giới cũng như tại Việt Nam khi vacin đã được bao phủ trên diện rộng, tới thời điểm hiện tại hầu hết các nước trên thế giới đều đã khôi phục lại các hoạt động kinh tế bình thường như thời điểm trước dịch. Đối với kinh tế trong nước, nguồn lực, sức chống chịu của các doanh nghiệp giảm sút sau thời gian dài phải chống chịu với dịch Covid trong khi phải tiếp tục chịu các tác động tiêu cực từ các yếu tố bên ngoài như giá năng lượng tăng cao do ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng giữa Nga và Ukraina, nhu cầu giảm từ khu vực Mỹ, Châu Âu ... Bên cạnh đó, nền kinh tế trong nước còn đối mặt với các yếu tố rủi ro khác như áp lực lạm phát, tỷ giá tăng cao. Nhận thức được những khó khăn mang đến từ nền kinh tế vĩ mô, Tổng công ty tiếp tục có những thay đổi về chính sách kinh doanh nhằm hạn chế tối đa những tác động tiêu cực của nền kinh tế; thực hiện cơ cấu nguồn hàng mềm dẻo, linh hoạt nhằm tạo lợi thế về sự ổn định nguồn hàng. Hội đồng quản trị đã tham gia cùng với Ban điều hành phân tích kỹ tình hình và đưa ra những điều chỉnh kịp thời về mô hình tổ chức hoạt động, công tác phát triển thị trường, công tác nguồn hàng, hệ thống thông tin quản lý nhằm tạo sự chuyển biến sâu sắc và toàn diện tại các đơn vị, bộ phận và các công ty trực thuộc, đảm bảo tính chủ động, ứng phó nhanh, kịp thời và có hiệu quả của Tổng công ty đối với những thách thức, những cơ hội từ thị trường và môi trường kinh doanh.

Với những thay đổi và những thành tựu đã đạt được trong thời gian qua, chúng tôi tin tưởng chắc chắn rằng hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ tiếp tục được cải thiện sâu sắc, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 và định hướng phát triển của Tổng công ty trong giai đoạn tiếp theo.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quang Dũng



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX NĂM 2022

Thực hiện chức năng nhiệm vụ kiểm tra giám sát quy định tại Luật Doanh nghiệp; Điều lệ của Tổng công ty Gas Petrolimex và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra giám sát Tổng công ty Gas Petrolimex và tình hình hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2022 như sau:

Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ giám sát hoạt động quản lý điều hành Tổng công ty Gas Petrolimex đảm bảo nguyên tắc khách quan, trung thực căn cứ vào điều lệ của Tổng công ty Gas Petrolimex, nghị quyết của Đại hội cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị, các quy định pháp lý hiện hành.

Ban kiểm soát đã thực hiện với tinh thần trách nhiệm, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên theo từng lĩnh vực.

Nhân sự Ban Kiểm soát Tổng công ty Gas Petrolimex trong năm 2022 gồm các Ông, Bà:

- | | |
|------------------------|---|
| 1- Ông: Kiều Văn Chiến | - Trưởng Ban Kiểm soát Chuyên trách |
| 2- Bà: Lê Thị Hải | - Thành viên Ban Kiểm soát Chuyên trách |
| 3- Ông: Doãn Duy Đạo | - Thành viên Ban Kiểm soát Kiêm nhiệm |

PHẦN I: HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

A. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

I. CÁC NỘI DUNG CÔNG VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN:

- Ban Kiểm soát tuân thủ quy định tiến hành các cuộc họp thường kỳ hàng quý, ngoài ra còn thường xuyên gặp gỡ, trao đổi để thực hiện công việc trong công tác kiểm soát.

- Ban Kiểm soát đã bám sát các nội dung được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2022. Giám sát tính thực thi nội dung những quyết nghị của Hội đồng Quản trị (HĐQT) sau mỗi phiên họp.

- Tham dự 100% các cuộc họp định kỳ của HĐQT và đưa ra các ý kiến góp ý trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn.

- Tham dự các phiên họp giao ban, họp theo chuyên đề của Ban Điều hành để tham gia ý kiến đối với việc chỉ đạo hoạt động SXKD.

- Xem xét các báo cáo tổng kết tài chính, kinh doanh hàng tháng, quý do Ban Điều hành chuẩn bị để kịp thời cập nhật thông tin cho công tác kiểm soát.

- Tham gia giám sát và có ý kiến về việc xây dựng KH SXKD năm và giao KH SXKD cho các đơn vị.

- Tham gia thảo luận, góp ý trong quá trình xây dựng, sửa đổi các quy chế, quy trình quản lý.

- Xem xét và có ý kiến về những vấn đề được đưa ra trong báo cáo của Kiểm toán độc lập, Báo cáo gửi các cơ quan chức năng.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên, định kỳ, đã đánh giá toàn diện tình hình thực hiện KH SXKD năm 2022 và việc triển khai một số chính sách lớn trong công tác kinh doanh như: Công tác tạo nguồn và đảm bảo nguồn hàng, công tác phát triển mạng lưới bán hàng, công tác thực hiện cơ chế khoán toàn diện đối với các Cửa hàng, Chi nhánh, quản lý vô bình, quản lý công nợ, công tác tổ chức, lao động, tiền lương, công tác đầu tư XDCB, CNTT... Sau kiểm tra, giám sát đã có kiến nghị kịp thời với HĐQT và Ban Điều hành đối với những vấn đề còn tồn tại, những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT

1. Thẩm định Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của Tổng công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng công ty Gas Petrolimex, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan - và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG- Là Công ty Kiểm toán đã được Đại hội đồng Cổ đông năm 2022 lựa chọn.

(Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản trong báo cáo tài chính)

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	31/12/2022	
			CTY MẸ	HỢP NHẤT
I	TỔNG TÀI SẢN	<i>Tr.đồng</i>	2.375.633	2.521.592
1	Tài sản ngắn hạn	Tr.đồng	1.879.455	1.912.555
2	Tài sản dài hạn	Tr.đồng	496.178	609.037
3	Lợi thế thương mại	Tr.đồng		
II	TỔNG NGUỒN VỐN	<i>Tr.đồng</i>	2.375.633	2.521.592
1	Nợ phải trả	Tr.đồng	1.572.121	1.714.306
2	Nguồn vốn chủ sở hữu (không bao gồm lợi ích cổ đông thiểu số)	Tr.đồng	803.512	798.653
3	Lợi ích của cổ đông thiểu số	Tr.đồng	0	8.633
III	Khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	1,20	1,15
2	Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	Lần	1,14	1,06
IV	Cơ cấu nguồn vốn			
1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	0,66	0,68
2	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	1,96	2,15
V	Khả năng sinh lời			
	<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Tr.đồng</i>	93 485	112 230
1	ROE(Tỷ suất LNST/Vốn CSH)	%	15,90%	15,68%
2	ROA(Tỷ suất LNST/Tổng TS)	%	5,38%	5,02%
VI	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	2.117	2.011

(Theo số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2022)

2. Kết quả triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và một số nhiệm vụ trọng tâm:

2.1. Kết quả báo cáo hợp nhất năm 2022:

- Doanh thu thuần 4.014 tỷ đồng, đạt 114% KH, bằng 119% thực hiện năm 2021.

- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất 160 tỷ đồng, đạt 100%KH, bằng 100% thực hiện năm 2021.

- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất 126,6 tỷ đồng, đạt 99%KH, bằng 101% thực hiện năm 2021.

- Tỷ suất LNST hợp nhất trên vốn điều lệ đạt 21%.

- Cổ tức dự kiến chi trả 15%.

2.2. *Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh:*

Tổng kết năm 2022, Tổng công ty đạt 160 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế hợp nhất, đạt 100% so với KH 2022 và bằng 100% thực hiện năm 2021. Đồng vốn được sử dụng hiệu quả, không để xảy ra sự cố Tài chính. Nộp đúng và đầy đủ nghĩa vụ Thuế với Nhà nước. Kết quả trên thể hiện sự chỉ đạo sát sao, kịp thời và đúng hướng của HĐQT trong công tác quản trị Tổng công ty, đồng thời cũng ghi nhận sự cố gắng nỗ lực của Ban Điều hành trong việc thực hiện các chỉ tiêu KH đã được giao.

3. *Hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành:*

3.1. *Tình hình hoạt động của HĐQT:*

- Trong năm 2022, HĐQT có thay đổi một nhân sự (do nhân sự cũ nghỉ việc hưởng chế độ hưu). Sau khi có sự thay đổi về nhân sự, HĐQT đã thực hiện phân công nhiệm vụ các thành viên, phù hợp với cơ cấu nhân sự mới.

- HĐQT đã tổ chức các phiên họp theo quy định. Thực hiện ban hành các NQ, quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT đối với các nội dung thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh do Ban điều hành trình phê duyệt. Các cuộc họp đã được tổ chức kịp thời và đúng Luật; đúng quy trình, quy định tại Điều lệ.

- Các NQ, quyết định của HĐQT đã ban hành đều kịp thời và sát với tình hình hoạt động của Tổng công ty.

3.2. *Tình hình hoạt động của Ban Điều hành, kết quả thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm:*

- Ban điều hành đã chủ động triển khai các nội dung công việc để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội cổ đông thông qua, đồng thời tiếp tục triển khai thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của Ban kiểm soát Tổng công ty trong công tác điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2022, chỉ đạo các đơn vị thực hiện.

- Đến thời điểm 31/12/2022, còn một số nội dung chưa hoàn thành:

+ NQ 056/PGC-NQ-HĐQT ban hành ngày 16/5/2022 về việc “thoái vốn tại Tổng công ty dệt may Hà Nội” chưa thực hiện do giá chưa đạt mức phê duyệt.

+ NQ 066/PGC –NQ –HĐQT ban hành ngày 06/6/2022 về việc xử lý các khoản công nợ khó đòi tại các công ty TNHH Gas Petrolimex thành viên: Các đơn vị đã triển khai thực hiện theo các nội dung chỉ đạo. Đến thời điểm 31/12/2022, số dư công nợ khó đòi trên 3 năm là 642 triệu đồng (đây là công nợ của các khách hàng còn hoạt động, các đơn vị vẫn tiếp tục thu hồi).

III. KIẾN NGHỊ

1. Công tác quản lý chung:

- Tiếp tục thực hiện việc đổi mới toàn diện các mặt hoạt động trong toàn hệ thống Tổng công ty để phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam.

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện các quy chế, quy định quản lý làm cơ sở thực hiện và thống nhất trên phạm vi toàn Tổng công ty phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

2. Các mặt công tác khác:

- Nghiên cứu triển khai kinh doanh các sản phẩm mới LNG, CNG, các cách thức kinh doanh mới, đa dạng hóa các sản phẩm kinh doanh, tăng tính cạnh tranh trên thị trường, phù hợp với xu thế phát triển của xã hội.

- Bên cạnh việc mở rộng kênh bán trực tiếp, Tổng công ty cần phối hợp với các Công ty xăng dầu thành viên phát triển sản lượng ở những khu vực đã có mạng lưới gas Petrolimex; mở điểm bán mới ở những khu vực chưa có sản lượng gas Petrolimex, nhằm khai thác tối đa lợi thế mạng lưới của ngành trên từng địa bàn.

- Tăng cường công tác quản trị rủi ro trong công tác nguồn hàng, công tác bán hàng, quản lý công nợ; quản lý tiền vay, gửi.

- Tiếp tục thu hồi công nợ và xử lý các khoản công nợ khó đòi theo NQ 066/PGC-NQ-HĐQT ngày 06/6/2022.

- Tăng cường công tác quản trị tài chính. Rà soát từng khâu trong quá trình sản xuất kinh doanh tìm giải pháp giảm giá vốn, giảm chi phí, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

- Xây dựng KHĐT XD CB năm 2023 cần đảm bảo tính khả thi, chi tiết và cụ thể hóa tiến độ thực hiện từng hạng mục của dự án lớn, trên cơ sở đó thuận lợi hơn trong công tác giám sát, cũng như giải quyết kịp thời những vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

- Tiếp tục nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng CNTT (công nghệ mới, chuyển đổi số) vào các lĩnh vực hoạt động SXKD của Tổng công ty; đẩy mạnh khai thác, ứng dụng các phần mềm từng lĩnh vực phục vụ kịp thời, hiệu quả cho công tác quản trị của Tổng công ty, phù hợp với xu thế phát triển của xã hội.

PHẦN II

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

- Thực hiện đúng và đủ chức năng nhiệm vụ, quyền và trách nhiệm của Ban kiểm soát, kiểm tra giám sát các hoạt động của Tổng công ty trong việc chấp hành các quy định của pháp luật, điều lệ Tổng công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, các nghị quyết của Hội đồng quản trị và các qui chế quản trị của Tổng công ty.

- Duy trì chế độ hội họp, làm việc và thông tin thường xuyên trong Ban kiểm soát.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát thường xuyên các hoạt động SXKD của Tổng công ty thông qua các nghị quyết của Hội đồng quản trị, các quyết định của Ban Điều hành Tổng công ty.

- Thẩm định Báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh hàng quý, năm; Qua đó đánh giá tình hình tài chính và quản lý vốn tại Tổng công ty.

- Kiến nghị HĐQT, Ban Điều hành về cải tiến công tác tổ chức quản lý Tổng công ty; về các cơ chế, chính sách điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Phát huy hơn nữa việc phản ánh tình hình và đưa ra những ý kiến đề xuất cho HĐQT và Ban Điều hành Tổng công ty trong tất cả hoạt động.

Thay mặt Ban kiểm soát, tôi xin chân thành cảm ơn các quý vị cổ đông, các đồng chí lãnh đạo Tập đoàn, Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Tổng công ty trong năm qua đã phối hợp, tạo điều kiện giúp đỡ Ban Kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng Cổ đông giao./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thông tin về Công ty

Các văn bản thành lập

Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển đổi Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101447725 cấp lần đầu ngày 14 tháng 1 năm 2004 và thay đổi lần thứ 17 ngày 29 tháng 11 năm 2021.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Dũng	Chủ tịch
Ông Trần Vũ Nam	Ủy viên
Ông Nguyễn Hữu Quang	Ủy viên
Ông Nguyễn Khắc Trí	Ủy viên (từ ngày 14/4/2022)
Ông Giang Trung Kiên	Ủy viên (từ ngày 14/4/2022)
Ông Vũ Hồng Khánh	Ủy viên (đến ngày 14/4/2022)
Ông Phan Phương Anh	Ủy viên (đến ngày 14/4/2022)

Ban Kiểm soát

Ông Kiều Văn Chiến	Trưởng ban
Bà Lê Thị Hải	Thành viên
Ông Doãn Duy Đạo	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Quang	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Công	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Vân Chi	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tầng 20, Tòa nhà Mipecc Tower
Số 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 43 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Quang
Tổng Giám đốc

Hà Nội, **31-03-2023**

12/11/2023



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-02-00168-23-2



Trương Vĩnh Phúc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **31-03-2023**

Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3073-2019-007-1

11/03/2023

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.912.555.317.945	1.841.733.557.794
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	51.142.685.869	58.899.786.471
Tiền	111		51.142.685.869	58.899.786.471
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.256.534.282.544	1.153.088.004.430
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	2.610.000.000	2.610.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5(a)	(1.875.717.456)	(1.021.995.570)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	1.255.800.000.000	1.151.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		418.188.329.143	413.036.758.066
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	355.467.343.509	365.046.741.759
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.955.614.925	30.832.624.856
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	61.438.045.458	24.994.247.884
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(739.064.759)	(7.836.856.433)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		66.390.010	-
Hàng tồn kho	140	9	150.777.521.308	195.055.808.065
Hàng tồn kho	141		152.671.782.778	197.079.373.371
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.894.261.470)	(2.023.565.306)
Tài sản ngắn hạn khác	150		35.912.499.081	21.653.200.762
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.996.157.795	4.271.272.449
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		29.329.603.103	16.837.147.197
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	586.738.183	544.781.116

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 01 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 260)	200		609.036.938.202	585.892.857.980
Các khoản phải thu dài hạn	210		264.386.408	354.842.408
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	165.837.000	256.293.000
Phải thu dài hạn khác	216		98.549.408	98.549.408
Tài sản cố định	220		284.716.220.881	315.035.464.538
Tài sản cố định hữu hình	221	10	217.760.748.400	248.592.447.848
<i>Nguyên giá</i>	222		884.402.842.508	876.376.838.719
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(666.642.094.108)	(627.784.390.871)
Tài sản cố định vô hình	227	11	66.955.472.481	66.443.016.690
<i>Nguyên giá</i>	228		80.757.637.184	79.836.060.184
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(13.802.164.703)	(13.393.043.494)
Bất động sản đầu tư	230	12	6.460.917.881	6.643.511.213
<i>Nguyên giá</i>	231		9.043.165.265	9.043.165.265
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(2.582.247.384)	(2.399.654.052)
Tài sản dở dang dài hạn	240		44.632.060.911	2.797.301.826
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	44.632.060.911	2.797.301.826
Tài sản dài hạn khác	260		272.963.352.121	261.061.737.995
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	267.309.640.293	256.085.704.497
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	5.653.711.828	4.976.033.498
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.521.592.256.147	2.427.626.415.774

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.714.306.262.596	1.558.873.750.031
Nợ ngắn hạn	310		1.660.459.228.809	1.485.213.234.888
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	475.638.861.069	353.476.590.560
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		9.313.070.367	11.707.646.306
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	13.988.497.504	11.801.169.479
Phải trả người lao động	314		36.190.842.122	45.712.505.709
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	7.453.358.450	4.616.000.513
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		220.449.673	175.353.040
Phải trả ngắn hạn khác	319	19(a)	85.108.529.098	9.692.745.650
Vay ngắn hạn	320	20	1.012.040.975.052	1.022.905.627.753
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		16.905.075.156	22.114.592.375
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	3.599.570.318	3.011.003.503
Nợ dài hạn	330		53.847.033.787	73.660.515.143
Phải trả dài hạn khác	337	19(b)	53.847.033.787	73.660.515.143
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		807.285.993.551	868.752.665.743
Vốn chủ sở hữu	410	22	807.285.993.551	868.752.665.743
Vốn cổ phần	411	23	603.426.380.000	603.426.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		603.426.380.000	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ	415	23	(49.700.000)	(49.700.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	146.665.416.338	132.215.412.587
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		48.611.089.803	119.247.893.803
- Lũy kế đến cuối năm trước	421a		(332.139.946)	(381.093.228)
- LNST năm nay	421b		48.943.229.749	119.628.987.031
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		8.632.807.410	13.912.679.353
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.521.592.256.147	2.427.626.415.774

Người lập:

31 -03- 2023

Người duyệt:


Phạm Văn Học
Phó trưởng phòng KTTC


Nguyễn Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởng


Nguyễn Hữu Quang
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	4.088.763.575.002	3.419.698.259.428
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	74.405.204.643	56.786.458.943
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	27	4.014.358.370.359	3.362.911.800.485
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	3.404.579.921.043	2.791.197.624.306
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		609.778.449.316	571.714.176.179
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	81.850.140.009	54.654.904.562
Chi phí tài chính	22	30	63.984.997.734	32.698.203.316
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		55.983.069.708	32.368.024.952
Chi phí bán hàng	25	31	338.177.945.879	312.025.435.952
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	136.196.148.345	130.216.487.021
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		153.269.497.367	151.428.954.452
Thu nhập khác	31	33	7.863.762.867	29.822.450.847
Chi phí khác	32		920.830.974	21.232.002.215
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		6.942.931.893	8.590.448.632
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		160.212.429.260	160.019.403.084
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	34.272.310.781	34.256.580.898
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	35	(677.678.330)	(55.022.184)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		126.617.796.809	125.817.844.370

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 02 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		126.617.796.809	125.817.844.370
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		121.350.371.748	120.033.087.031
Cổ đông không kiểm soát	62		5.267.425.061	5.784.757.339
Đã điều chỉnh lại				
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	1.669	1.647

31-03-2023

Người lập:

Phạm Văn Học
Phó trưởng phòng KTTC

Người duyệt:

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởngNguyễn Hữu Quang
Tổng Giám đốc**TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCP**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	160.212.429.260	160.019.403.084
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	47.327.950.941	50.886.477.268
Các khoản dự phòng	03	(11.582.890.843)	4.283.899.146
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(4.673.536.552)	(503.819.965)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(74.207.164.624)	(49.727.554.210)
Chi phí lãi vay	06	55.983.069.708	32.368.024.952
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	173.059.857.890	197.326.430.275
Biến động các khoản phải thu	09	26.412.202.420	(38.807.982.346)
Biến động hàng tồn kho	10	44.407.590.593	(76.299.219.746)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	82.995.058.678	90.476.609.841
Biến động chi phí trả trước	12	(15.277.994.425)	(7.641.243.946)
		311.596.715.156	165.054.594.078
Tiền lãi vay đã trả	14	(54.476.707.675)	(31.257.277.322)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(32.461.525.262)	(31.753.716.863)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(20.385.579.033)	(20.049.364.313)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	204.272.903.186	81.994.235.580

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(46.128.103.238)	(31.962.324.843)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	404.165.664	1.251.434.979
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(1.496.100.000.000)	(2.061.800.000.000)
Thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn	24	1.391.800.000.000	1.649.400.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	39.393.410.233	47.993.939.164
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(110.630.527.341)	(395.116.950.700)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	3.093.761.976.480	2.517.359.428.877
Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.104.626.629.181)	(2.180.022.265.868)
Tiền trả cổ tức	36	(90.534.658.553)	(18.862.896.528)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(101.399.311.254)	318.474.266.481
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(7.756.935.409)	5.351.551.361
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	58.899.786.471	53.562.032.612
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(165.193)	(13.797.502)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	51.142.685.869	58.899.786.471

31 -03- 2023

Người lập:

Phạm Văn Học
Phó trưởng phòng KTTC

Người duyệt:

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởngNguyễn Hữu Quang
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 1 tháng 1 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCDN ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài chính. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101447725, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 29 tháng 11 năm 2021 với số vốn điều lệ là 603.426.380.000 VND.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Tổng Công ty chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PGC.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,37% vốn điều lệ của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; dịch vụ thương mại; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vỏ bình gas); và kiểm định, bảo dưỡng các loại vỏ bình gas.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có 6 công ty con (1/1/2022: 6 công ty con) như sau:

			31/12/2022 và 1/1/2022 % sở hữu và % quyền biểu quyết
	Hoạt động chính	Địa chỉ	
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Kinh doanh gas hóa lỏng	TP. Hồ Chí Minh	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	Kinh doanh gas hóa lỏng	Đà Nẵng	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	Kinh doanh gas hóa lỏng	Hải Phòng	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	Kinh doanh gas hóa lỏng	Hà Nội	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	Kinh doanh gas hóa lỏng	Cần Thơ	100%
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	Sản xuất, sửa chữa, lắp đặt bình gas	TP. Hồ Chí Minh	51%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty và các công ty con có 1.080 nhân viên (1/1/2022: 1.065 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

11/2022
NG
HIỆM H
PM
FM -

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần trăm sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) hoặc bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

CTP
HẠN
HÀ

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ. Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh đã niêm yết, giá thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và các công ty con về khả năng có thể thu hồi của các khoản phải thu.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm. Dự phòng của hàng tồn kho được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, trong trường hợp giá gốc nhỏ hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 30 năm
▪ máy móc, thiết bị	6 - 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	8 - 10 năm
▪ dụng cụ quản lý	3 - 6 năm
▪ tài sản khác	3 - 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất phản ánh quyền sử dụng đất cho các lô đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 40 - 60 năm. Khấu hao không được tính cho các lô đất mà Tổng Công ty và các công ty con có quyền sử dụng đất vô thời hạn.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 4 năm.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 50 năm
- nhà cửa, vật kiến trúc 48 năm

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang không được tính trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Vỏ bình gas

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Công văn hướng dẫn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 và Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 2 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai” trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vỏ bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được. Theo đó, vỏ bình gas được ghi nhận theo giá gốc ban đầu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm công cụ dụng cụ, bảo hiểm cháy nổ và các chi phí trả trước khác.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Chi phí bảo hiểm cháy nổ và các chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 2 đến 3 năm tùy theo hợp đồng.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty hoặc các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành vượt trên mệnh giá được ghi tăng thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas

Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas được phân bổ từ số tiền ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(r) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(s) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính cho năm chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và trong năm kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh gas hóa lỏng và một khu vực địa lý là Việt Nam do các điều kiện kinh tế, chính trị và pháp luật là tương tự như nhau.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ của Tổng Công ty, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tiền mặt	3.672.143.201	2.417.104.649
Tiền gửi ngân hàng	47.435.818.668	56.482.681.822
Tiền đang chuyển	34.724.000	-
	<hr/>	<hr/>
	51.142.685.869	58.899.786.471
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	Số lượng	Giá gốc VND	31/12/2022	
			Giá thị trường (*) VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu				
Tổng Công ty Cổ phần Đệt may Hà Nội	100.000	2.610.000.000	734.282.544	(1.875.717.456)
<hr/>				
	Số lượng	Giá gốc VND	1/1/2022	
			Giá thị trường (*) VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu				
Tổng Công ty Cổ phần Đệt may Hà Nội	100.000	2.610.000.000	1.588.004.430	(1.021.995.570)

(*) Giá thị trường của khoản đầu tư vào công ty này được xác định bằng cách tham chiếu giá bình quân của cổ phiếu của công ty được niêm yết trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) trong vòng 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (**) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	1.255.800.000.000	1.255.800.000.000
<hr/>		
	1/1/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (**) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	1.151.500.000.000	1.151.500.000.000

(**) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ này do tính chất ngắn hạn của chúng. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu của khách hàng****(a) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán**

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	355.467.343.509	365.046.741.759
Dài hạn	165.837.000	256.293.000
	<hr/>	<hr/>
	355.633.180.509	365.303.034.759
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	81.320.743.198	82.247.655.996
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải thu là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi	48.278.204.658	13.742.804.272
Phải thu người lao động	7.280.238.287	3.351.604.523
Hàng hóa cho mượn sản xuất	25.810.200	-
Phải thu ngắn hạn khác	5.853.792.313	7.899.839.089
	<hr/>	<hr/>
	61.438.045.458	24.994.247.884
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2022			1/1/2022				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH ITG – Phong Phú	-	-	-	-	Trên 5 năm	2.467.346.164	(2.467.346.164)	-
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng KJ	-	-	-	-	Trên 5 năm	1.751.495.029	(1.751.495.029)	-
Công ty TNHH Sản xuất Xích chuyên dụng Việt Nam	-	-	-	-	Trên 5 năm	1.242.815.533	(1.242.815.533)	-
Các khách hàng khác	6 - 12 tháng	99.261.944	(29.778.583)	69.483.361	6 - 12 tháng	2.100.719.706	(630.215.912)	1.470.503.794
Các khách hàng khác	1 - 2 năm	9.426.377	(4.713.189)	4.713.188	1 - 2 năm	1.053.180.851	(526.590.426)	526.590.425
Các khách hàng khác	2 - 3 năm	89.571.038	(62.699.727)	26.871.311	2 - 3 năm	970.722.337	(723.812.423)	246.909.914
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	641.873.260	(641.873.260)	-	Trên 3 năm	494.580.946	(494.580.946)	-
		840.132.619	(739.064.759)	101.067.860		10.080.860.566	(7.836.856.433)	2.244.004.133

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

(739.064.759)

(7.836.856.433)

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động trong dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	7.836.856.433	6.806.710.096
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm	(1.636.134.948)	1.030.146.337
Sử dụng trong năm	(5.461.656.726)	-
Số dư cuối năm	739.064.759	7.836.856.433

9. Hàng tồn kho

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	14.348.995.556	-	20.436.671.691	-
Nguyên vật liệu	43.671.023.341	-	50.634.370.458	-
Công cụ và dụng cụ	1.575.921.000	-	415.597.500	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.670.464.227	-	6.592.886.122	-
Thành phẩm	1.047.054.861	-	13.107.165.265	-
Hàng hóa	89.358.323.793	(1.894.261.470)	105.892.682.335	(2.023.565.306)
	152.671.782.778	(1.894.261.470)	197.079.373.371	(2.023.565.306)

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	399.088.668.024	343.534.007.203	115.187.710.521	13.637.649.549	4.928.803.422	876.376.838.719
Tăng trong năm	151.615.500	1.419.768.817	824.767.375	3.161.196.255	50.650.000	5.607.997.947
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13)	445.360.674	6.437.244.587	966.622.251	181.086.869	62.863.000	8.093.177.381
Thanh lý	(335.263.528)	(689.169.603)	(1.569.878.261)	-	-	(2.594.311.392)
Xóa sổ	(1.176.939.228)	(1.065.707.297)	(764.507.427)	-	(73.706.195)	(3.080.860.147)
Số dư cuối năm	398.173.441.442	349.636.143.707	114.644.714.459	16.979.932.673	4.968.610.227	884.402.842.508
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	254.343.878.498	278.860.385.981	78.246.198.063	12.180.057.156	4.153.871.173	627.784.390.871
Khấu hao trong năm	14.790.304.814	19.865.684.959	8.456.283.375	1.048.273.064	246.516.905	44.407.063.117
Thanh lý	(300.788.265)	(645.938.862)	(1.542.344.806)	-	-	(2.489.071.933)
Xóa sổ	(1.156.367.028)	(1.065.707.297)	(764.507.427)	-	(73.706.195)	(3.060.287.947)
Số dư cuối năm	267.677.028.019	297.014.424.781	84.395.629.205	13.228.330.220	4.326.681.883	666.642.094.108
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	144.744.789.526	64.673.621.222	36.941.512.458	1.457.592.393	774.932.249	248.592.447.848
Số dư cuối năm	130.496.413.423	52.621.718.926	30.249.085.254	3.751.602.453	641.928.344	217.760.748.400

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 272.919 triệu VND (1/1/2022: 207.889 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 5.139 triệu VND (1/1/2022: 4.291 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của một công ty con của Tổng Công ty (Thuyết minh 20).

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	68.621.961.448	11.214.098.736	79.836.060.184
Tăng trong năm	-	570.000.000	570.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13)	351.577.000	-	351.577.000
Số dư cuối năm	68.973.538.448	11.784.098.736	80.757.637.184
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.633.855.954	10.759.187.540	13.393.043.494
Khấu hao trong năm	223.780.336	185.340.873	409.121.209
Số dư cuối năm	2.857.636.290	10.944.528.413	13.802.164.703
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	65.988.105.494	454.911.196	66.443.016.690
Số dư cuối năm	66.115.902.158	839.570.323	66.955.472.481

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản cố nguyên giá 10.552 triệu VND (1/1/2022: 10.552 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Bất động sản đầu tư****Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	6.957.405.470	2.085.759.795	9.043.165.265
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.785.630.001	614.024.051	2.399.654.052
Khấu hao trong năm	139.140.000	43.453.332	182.593.332
Số dư cuối năm	1.924.770.001	657.477.383	2.582.247.384
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	5.171.775.469	1.471.735.744	6.643.511.213
Số dư cuối năm	5.032.635.469	1.428.282.412	6.460.917.881

Bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm một phần giá trị quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao là 50 năm và giá trị xây lắp đã hoàn thành của cao ốc văn phòng tại địa chỉ số 322 Điện Biên Phủ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời gian khấu hao trong 48 năm tương ứng với diện tích Tổng Công ty đang cho thuê hoặc nắm giữ để cho thuê.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tổng Công ty và các công ty con và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	2.797.301.826	5.550.870.414
Tăng trong năm	50.279.513.466	9.286.052.942
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10)	(8.093.177.381)	(12.039.621.530)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 11)	(351.577.000)	-
Số dư cuối năm	44.632.060.911	2.797.301.826

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công trình mở rộng sức chứa LPG Đà Nẵng	41.627.924.146	-
Lắp đặt bồn chi nhánh Quảng Bình và Khánh Hòa	1.342.196.379	1.255.564.048
Các công trình khác	1.661.940.386	1.541.737.778
	<hr/>	
	44.632.060.911	2.797.301.826
	<hr/>	

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Vỏ bình gas VND	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	213.029.229.457	23.385.691.853	19.670.783.187	256.085.704.497
Tăng trong năm	62.566.327.056	1.766.750.597	9.252.624.871	73.585.702.524
Phân bổ trong năm	(51.550.242.643)	(2.329.173.283)	(7.579.332.892)	(61.458.748.818)
Thanh lý	(48.288.258)	-	(12.944.021)	(61.232.279)
Giảm khác	(841.785.631)	-	-	(841.785.631)
	<hr/>			
Số dư cuối năm	223.155.239.981	22.823.269.167	21.331.131.145	267.309.640.293
	<hr/>			

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	Thuế suất	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Lợi nhuận chưa thực hiện	20%	5.653.711.828	4.976.033.498
		<hr/>	

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Phải trả người bán ngắn hạn****Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Bên liên quan		
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	1.477.334.135	575.010.533
Bên khác		
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	273.533.734.243	154.951.720.403
Công ty TNHH EI Corporation	164.768.303.902	111.853.013.247
PTT International Trading PTE Ltd	-	19.752.169.500
Itochu Petroleum Co., Pte.Ltd	-	19.653.900.000
Các nhà cung cấp khác	35.859.488.789	46.690.776.877
	<hr/>	<hr/>
	475.638.861.069	353.476.590.560
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả người bán đối với các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2022		Số phát sinh trong năm VND	Số bù trừ/đã nộp trong năm VND	31/12/2022	
	Phải thu VND	Phải trả VND			Phải thu VND	Phải trả VND
Thuế giá trị gia tăng	-	966.116.933	32.984.668.463	(32.277.164.785)	(72.428.082)	1.746.048.693
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	94.544.717.226	(93.530.814.167)	-	1.013.903.059
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(255.289.315)	8.819.250.378	34.272.310.781	(32.461.525.262)	(37.862.343)	10.412.608.925
Thuế thu nhập cá nhân	(289.491.801)	1.217.398.332	6.450.945.992	(7.056.045.656)	(476.447.758)	799.254.625
Thuế nhập khẩu	-	798.403.836	30.932.177.253	(31.730.581.089)	-	-
Thuế khác	-	-	295.607.755	(278.925.553)	-	16.682.202
	(544.781.116)	11.801.169.479	199.480.427.470	(197.335.056.512)	(586.738.183)	13.988.497.504

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Lãi vay	3.094.974.438	1.588.612.405
Trích trước chi phí hoạt động	4.358.384.012	3.027.388.108
	<hr/> 7.453.358.450	<hr/> 4.616.000.513

19. Phải trả khác**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	2.234.019.727	2.134.084.416
Cổ tức phải trả	76.888.116.420	312.451.820
Phải trả ngắn hạn khác	5.986.392.951	7.246.209.414
	<hr/> 85.108.529.098	<hr/> 9.692.745.650

(b) Phải trả dài hạn khác

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

20. Vay ngắn hạn

	1/1/2022 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2022 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	1.022.905.627.753	3.093.761.976.480	(3.104.626.629.181)	1.012.040.975.052

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (i)	VND	376.596.719.569	491.738.693.139
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	VND	186.047.187.554	92.703.852.728
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)	VND	177.747.187.554	91.403.852.728
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ii)	VND	8.300.000.000	1.300.000.000
Ngân hàng BNP Paribas (i)	VND	118.856.739.265	145.171.658.856
Ngân hàng B.O.C (i)	VND	118.258.938.433	-
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam (i)	VND	27.330.423.322	98.547.204.007
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH (i)	VND	5.905.565.470	84.299.313.566
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - bên liên quan (i)	VND	-	1.000.000.000
		1.012.040.975.052	1.022.905.627.753

- (i) Các khoản vay ngân hàng là các khoản vay tín chấp và chịu lãi suất cố định theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ.
- (ii) Khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định có giá trị ghi sổ là 5.139 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: 4.291 triệu VND) (Thuyết minh 10).

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	3.011.003.503	3.442.832.101
Trích lập trong năm (Thuyết minh 22)	20.974.145.848	19.213.435.715
Sử dụng trong năm	(20.385.579.033)	(19.645.264.313)
Số dư cuối năm	3.599.570.318	3.011.003.503

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2021	603.426.380.000	(49.700.000)	118.197.604.300	44.551.859.377	15.279.389.939	781.405.533.616
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	120.033.087.031	5.784.757.339	125.817.844.370
Phân bổ vào các quỹ	-	-	14.017.808.287	(14.017.808.287)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	-	(18.847.287.318)	(366.148.397)	(19.213.435.715)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	(12.067.857.000)	(6.785.319.528)	(18.853.176.528)
Biến động khác	-	-	-	(404.100.000)	-	(404.100.000)
Số dư tại ngày 1/1/2022	603.426.380.000	(49.700.000)	132.215.412.587	119.247.893.803	13.912.679.353	868.752.665.743
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	121.350.371.748	5.267.425.061	126.617.796.809
Phân bổ vào các quỹ	-	-	14.450.003.751	(14.450.003.751)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	-	(20.655.030.997)	(319.114.851)	(20.974.145.848)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	(156.882.141.000)	(10.228.182.153)	(167.110.323.153)
Số dư tại ngày 31/12/2022	603.426.380.000	(49.700.000)	146.665.416.338	48.611.089.803	8.632.807.410	807.285.993.551

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2022 và 1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	60.342.638	603.426.380.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	60.342.638	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(3.353)	(49.700.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	60.339.285	603.392.850.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

25. Cổ tức

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2022 về việc chia cổ tức năm 2021 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022, tại cuộc họp ngày 6 tháng 5 năm 2022 và ngày 3 tháng 11 năm 2022, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã quyết nghị thực hiện phân phối cổ tức năm 2021 và tạm ứng cổ tức năm 2022 bằng tiền lần lượt trị giá 84.475 triệu VND và 72.407 triệu VND (2021: 12.086 triệu VND).

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Gas giữ hộ bên thứ ba	-	748.714.604

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	839,66	19.765.839	802,80	18.560.807
Euro (“EUR”)	124,42	3.097.907	159,09	4.008.846
		<u>22.863.746</u>		<u>22.569.653</u>

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	Năm xóa sổ	31/12/2022	1/1/2022
		VND	VND
Công ty TNHH ITG – Phong Phú	2022	2.467.346.164	-
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng KJ	2022	1.751.495.029	-
Công ty TNHH Sản xuất Xích chuyên dụng Việt Nam	2022	1.242.815.533	-
		<u>5.461.656.726</u>	<u>-</u>

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần bao gồm:

	2022 VND	2021 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng	4.028.587.696.522	3.359.411.928.544
▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.603.788.220	30.609.070.647
▪ Doanh thu cho thuê	3.782.914.818	4.376.452.951
▪ Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas	23.789.175.442	25.300.807.286
	<hr/> 4.088.763.575.002	<hr/> 3.419.698.259.428
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(56.546.693.106)	(42.965.326.293)
▪ Hàng bán bị trả lại	(17.858.511.537)	(13.821.132.650)
	<hr/> (74.405.204.643)	<hr/> (56.786.458.943)
Doanh thu thuần	<hr/> 4.014.358.370.359	<hr/> 3.362.911.800.485

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2022 VND	2021 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Bán hàng	3.372.775.169.247	2.760.527.208.679
▪ Cung cấp dịch vụ	29.068.296.615	26.739.868.973
▪ Kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	2.865.759.017	1.906.981.348
▪ (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(129.303.836)	2.023.565.306
	<hr/> 3.404.579.921.043	<hr/> 2.791.197.624.306

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2022 VND	2021 VND
Lãi tiền gửi	73.828.810.619	50.477.552.204
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.226.917.358	3.673.532.393
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.673.536.552	503.819.965
Cổ tức được chia	100.000.000	-
Doanh thu khác	20.875.480	-
	<hr/>	<hr/>
	81.850.140.009	54.654.904.562

30. Chi phí tài chính

	2022 VND	2021 VND
Chi phí lãi vay	55.983.069.708	32.368.024.952
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.216.362.863	928.182.794
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	853.721.886	(598.004.430)
Chi phí khác	931.843.277	-
	<hr/>	<hr/>
	63.984.997.734	32.698.203.316

31. Chi phí bán hàng

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	91.167.595.196	84.458.260.984
Chi phí khấu hao	3.643.437.869	3.696.955.319
Chi phí phân bổ vỏ bình gas	52.996.306.900	52.349.365.387
Chi phí dịch vụ mua ngoài	81.364.363.865	75.461.970.394
Chi phí bán hàng khác	109.006.242.049	96.058.883.868
	<hr/>	<hr/>
	338.177.945.879	312.025.435.952

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***32. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	72.227.663.877	77.945.007.790
Chi phí khấu hao (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	5.422.358.404 (1.636.134.948)	4.144.965.733 1.030.146.337
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.100.664.097	22.148.887.406
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	32.081.596.915	24.947.479.755
	<hr/>	<hr/>
	136.196.148.345	130.216.487.021
	<hr/>	<hr/>

33. Thu nhập khác

	2022 VND	2021 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	298.926.205	-
Lãi thanh lý vô bình	1.330.042.318	-
Thu nhập từ tiền phạt vi phạm hợp đồng và lãi chậm trả từ chuyên nhượng văn phòng	-	8.421.724.439
Chênh lệch thừa kiểm kê hàng tồn kho	3.584.025.622	3.259.292.726
Điều chỉnh thu nhập theo kết quả biên bản KTNN năm 2020	-	11.628.842.103
Thu nhập khác	2.650.768.722	6.512.591.579
	<hr/>	<hr/>
	7.863.762.867	29.822.450.847
	<hr/>	<hr/>

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu	277.572.521.482	262.821.617.034
Chi phí nhân viên	223.513.092.884	231.086.135.091
Chi phí khấu hao và phân bổ	47.327.950.941	50.886.477.268
Chi phí dịch vụ mua ngoài	167.419.287.178	150.077.869.770
Chi phí khác	194.094.516.209	190.309.072.086
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***35. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	2022 VND	2021 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	34.272.310.781	34.319.728.016
Dự phòng thừa trong những năm trước	-	(63.147.118)
	<hr/> 34.272.310.781	<hr/> 34.256.580.898
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(677.678.330)	(55.022.184)
	<hr/> 33.594.632.451	<hr/> 34.201.558.714

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	160.212.429.260	160.019.403.084
	<hr/> 32.042.485.852	<hr/> 32.003.880.617
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	32.042.485.852	32.003.880.617
Thu nhập không bị tính thuế	(20.000.000)	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.540.163.432	2.163.877.298
Biến động các chênh lệch tạm thời	31.983.167	96.947.917
Dự phòng thừa trong những năm trước	-	(63.147.118)
	<hr/> 33.594.632.451	<hr/> 34.201.558.714

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của luật thuế Thu nhập hiện hành, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu****(i) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền chi tiết như sau:

	2022	2021 Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông trước khi trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	121.378.289.250	120.033.087.031
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (VND) (*)	(20.655.030.997)	(20.655.030.997)
	100.723.258.253	99.378.056.034
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (số cổ phiếu)	60.339.285	60.339.285
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.669	1.647

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty ước tính số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi là 20.655 triệu VND, căn cứ trên kết quả kinh doanh và số đã trích cho năm 2021.

(ii) Điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Trong năm 2022, Tổng Công ty đã phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2021 với số tiền là 20.655.030.997 VND (số ước tính năm 2021 là 18.466.194.090 VND). Vì vậy, lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông phổ thông của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu bị thay đổi.

Bảng so sánh lãi cơ bản trên cổ phiếu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

	2021 (điều chỉnh lại) VND/cổ phiếu	2021 (theo báo cáo trước đây) VND/cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.647	1.683

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Công ty mẹ		
<i>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>		
Lợi nhuận phân phối	82.171.177.400	6.320.859.800
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
<i>Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế</i>		
Bán hàng hóa	77.425.210.300	67.428.294.400
<i>Công ty Xăng dầu Phú Thọ</i>		
Bán hàng hóa	61.863.173.300	55.068.146.544
<i>Chi nhánh Xăng dầu Quảng Nam</i>		
Bán hàng hóa	51.928.055.450	49.810.109.600
<i>Công ty Xăng dầu Hà Giang</i>		
Bán hàng hóa	44.610.380.240	40.571.012.160
<i>Công ty Xăng dầu Quảng Bình</i>		
Bán hàng hóa	45.556.226.450	42.007.505.900
<i>Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn</i>		
Bán hàng hóa	28.920.718.320	27.771.603.519
<i>Công ty Xăng dầu Nghệ An</i>		
Bán hàng hóa	43.292.779.361	32.137.527.415
<i>Công ty Xăng dầu Quảng Trị</i>		
Bán hàng hóa	45.408.042.900	41.121.246.100
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Bán hàng hóa	785.018.243.171	630.900.840.835
Hội đồng Quản trị		
Lương thưởng và thù lao		
<i>Ông Nguyễn Quang Dũng – Chủ tịch</i>	227.910.205	203.280.963
<i>Ông Trần Vũ Nam – Ủy viên</i>	144.026.883	142.296.674
<i>Ông Nguyễn Hữu Quang – Tổng Giám đốc (từ 1/12/2021) Ủy viên (từ ngày 19/4/2021)</i>	1.065.540.126	738.956.987

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2022	2021
	VND	VND
Ông Nguyễn Khắc Trí – Phó Tổng Giám đốc <i>Ủy viên (từ ngày 14/4/2022)</i>	745.934.258	712.064.565
Ông Giang Trung Kiên – Ủy viên (từ ngày 14/4/2022)	103.367.913	-
Ông Vũ Hồng Khánh – Tổng Giám đốc (đến 1/12/2021) <i>Ủy viên (đến ngày 14/4/2022)</i>	40.658.971	597.422.361
Ông Phan Phương Anh – Ủy viên (đến ngày 14/4/2022)	40.658.971	142.296.674
Ông Trịnh Quang Vinh – Ủy viên (đến ngày 19/4/2021)	-	52.605.403
Ban Tổng Giám đốc và những người quản lý khác Lương thưởng và thù lao		
Ông Phạm Thanh Sơn – Phó Tổng Giám đốc	745.934.258	712.064.565
Ông Nguyễn Đăng Công – Phó Tổng Giám đốc	745.934.258	712.064.565
Bà Đỗ Thị Vân Chi – Phó Tổng Giám đốc	745.934.258	668.253.577
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Kế toán trưởng	644.267.013	362.894.797
Ban Kiểm soát Lương và thù lao		
Ông Kiều Văn Chiến – Trưởng ban	745.934.258	712.064.565
Bà Lê Thị Hải – Thành viên	521.629.730	495.396.537
Ông Doãn Duy Đạo – Thành viên	26.067.552	-

38. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

31 -03- 2023

Người lập:



Phạm Văn Học
Phó trưởng phòng KTTC

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Quang
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Gas Petrolimex-CTCP

I. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận

- Căn cứ Điều lệ tổ chức, hoạt động của Tổng công ty Gas Petrolimex-CTCP hiện hành;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã được đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 14/4/2022;
- Căn cứ Báo cáo Tài chính Hợp nhất năm 2022, Báo cáo tài chính riêng năm 2022 của Tổng công ty Gas Petrolimex-CTCP đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG;
- Căn cứ kết quả SXKD thực hiện năm 2022;
- Căn cứ Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

II. Phương án phân phối cụ thể như sau

1. Tổng Lợi nhuận sau thuế được phân phối của Tổng công ty Gas Petrolimex-CTCP trong năm 2022:
 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán thời điểm 31/12/2022: **121.018.231.803 đồng**.
 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán thời điểm 31/12/2022: **132.191.775.425 đồng**.
 - Căn cứ điểm đ, Khoản 1, Điều 74, Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Tổng công ty được phân phối lợi nhuận sau thuế cho chủ sở hữu là: **121.018.231.803 đồng**.

2. Phân phối lợi nhuận

2.1. Chi trả cổ tức

- Mức chia cổ tức năm 2022 bằng tiền 15% là: **1.500 đồng/cổ phần** (tương đương: 90.508.927.500 đồng). Trong đó, đã tạm ứng cổ tức bằng tiền cho cổ đông 12% là: 1.200 đồng/cổ phần (tương đương: 72.407.142.000 đồng, theo danh sách cổ đông đã được chốt ngày 07/12/2022).

2.2. Phân phối quỹ khen thưởng: **20.500.000.000 đồng**.

Trong đó: thưởng Ban quản lý, điều hành: 821.416.579 đồng (Theo quy chế quản lý hiện hành)

2.3. Phân phối lợi nhuận còn lại dùng để bổ sung quỹ đầu tư phát triển: **10.009.304.303 đồng**.

Kính đề nghị ĐHĐCĐ Tổng công ty Gas Petrolimex-CTCP thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



**PHỤ BIỂU PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN
NĂM 2022**

<u>TT</u>	<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Ghi chú</u>
A	Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2022	603.426.380.000	
B	Lợi nhuận để phân phối năm 2022	121.018.231.803	
1	Chia cổ tức 15%	90.508.927.500	
	Trong đó: đã tạm ứng cổ tức 12% cho cổ đông	72.407.142.000	
2	Quỹ đầu tư phát triển	10.009.304.303	
3	Quỹ khen thưởng	20.500.000.000	
	Trong đó: Thưởng Ban Quản lý, điều hành	821.416.579	Theo quy chế quản lý hiện hành



Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO

Về việc quyết toán quỹ tiền lương và thù lao của các thành viên
Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát Tổng công ty gas Petrolimex năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Gas Petrolimex-CTCP

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng công ty gas Petrolimex – CTCP đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 19 tháng 04 năm 2021;

Căn Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 về việc thông qua phương án về quỹ tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022 và kết quả hoạt động SXKD năm 2022 của Tổng công ty gas petrolimex - CTCP;

Hội đồng quản trị Tổng công ty gas petrolimex - CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023 thông qua Báo cáo về việc quyết toán quỹ tiền lương/thù lao đối với của các thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát năm 2022 như sau:

1. Quỹ tiền lương và thù lao trả cho Hội đồng quản trị thực hiện theo phương án được đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 14 tháng 04 năm 2022, theo đó, Tổng quỹ tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị năm 2022 là: 571.714.602 đồng.
2. Quỹ tiền lương và thù lao trả cho Ban kiểm soát thực hiện theo phương án được đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 14 tháng 04 năm 2022, theo đó, Tổng quỹ tiền lương và thù lao của Ban kiểm soát năm 2022 là: 1.356.708.954 đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về phương án trả lương, thù lao cho các thành viên
Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát Tổng công ty gas Petrolimex năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Gas Petrolimex-CTCP

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng công ty gas Petrolimex – CTCP đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 19 tháng 04 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần vốn góp chi phối của Nhà nước; Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ và quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý doanh nghiệp tại Tổng công ty gas Petrolimex ban hành kèm theo QĐ số 061/PGC-QĐ-HĐQT ngày 22/11/2017 ;

Căn cứ kết quả hoạt động năm 2022, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Tổng công ty gas Petrolimex;

Hội đồng quản trị Tổng công ty gas Petrolimex kính trình đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 về phương án trả tiền lương/thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty gas Petrolimex năm 2023 như sau:

1. Quỹ tiền lương/thù lao của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát
 - Quỹ tiền lương thù lao trả cho Hội đồng quản trị là: 1.091.944.254 đồng.
 - Quỹ tiền lương và thù lao trả cho Ban kiểm soát là: 1.308.913.804 đồng.
 - Quỹ tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát được quyết toán theo quy chế tiền lương cán bộ quản lý của Tổng công ty gas Petrolimex, nhưng tối đa theo quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ.
2. Phương thức trả tiền lương/thù lao cho Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát
 - Thực hiện tạm thanh toán hàng tháng và được quyết toán khi kết thúc năm tài chính.
 - Hội đồng quản trị Tổng công ty sẽ báo cáo việc quyết toán Quỹ tiền lương/ thù lao năm 2023 của các thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát Tổng công ty tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua.

Kính trình đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hà Nội, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Gas Petrolimex-CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức, hoạt động của Tổng công ty Gas Petrolimex-CTCP;

Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ các tiêu thức lựa chọn và danh sách Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Tổng công ty Gas Petrolimex-CTCP như sau:

1. Các tiêu thức lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập

- Là Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết năm 2023
- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng tại Việt Nam;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng yêu cầu của Tổng công ty Gas Petrolimex-CTCP về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với chất lượng kiểm toán và phạm vi kiểm toán.

2. Danh sách các công ty kiểm toán đề xuất

Căn cứ các tiêu thức trên, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông danh sách các công ty kiểm toán sẽ được lựa chọn kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Tổng công ty Gas Petrolimex-CTCP và ủy quyền Hội Đồng quản trị Tổng công ty Gas Petrolimex-CTCP quyết định lựa chọn một trong các Công ty trong danh sách sau đây:

- Công ty TNHH KPMG (KPMG).
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Delloite)
- Công ty TNHH Price Waterhouse Cooper Việt Nam
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Kiều Văn Chiến